TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI - DLX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN SINH
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
(tính đến 17H00 ngày 19.8.2015)

Lưu ý dành cho thí sinh: Trường ĐH Lao động – Xã hội xét tuyển sinh theo từng ngành và được căn cứ vào thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh. Do vậy, để thí sinh dễ dàng cập nhập thông tin, Nhà trường sẽ công bố thông tin theo nguyên tắc sau:

- Khi số lượng hồ sơ ĐKXT vào các ngành **chưa vượt quá** chỉ tiêu tuyển sinh, thì tại thời điểm công bố thí sinh sẽ chỉ có tên tại ngành đăng ký nguyện vọng ưu tiên 1. Thí sinh có thể kiểm tra thông tin các nguyên vọng ưu tiên khác tại cột số (12).
- Khi số lượng hồ sơ ĐKXT vào một ngành **vượt quá** chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, thì những thí sinh có nguyện vọng ưu tiên 1 có thứ tự xếp hạng vượt quá chỉ tiêu sẽ được xét tiếp đến nguyện vọng ưu tiên 2 và chỉ có tên tại ngành đó nếu có thứ tự xếp hạng chưa vượt quá chỉ tiêu. Tương tự như vậy đối với các nguyên vọng ưu tiên 3 và 4.
- Những thông tin tại Bảng báo cáo chỉ có giá trị tham khảo tại thời điểm công bố chưa tính đến số lượng thí sinh nộp và rút hồ sơ ĐKXT tại các ngày kế tiếp theo quy định.

- Những thí sinh có số Phiếu biên nhận nộp hồ sơ ĐKXT vào trường chưa có tên trong danh sách là những thí sinh chưa được các trường thí sinh đã rút hồ sơ xóa tên khỏi phần mềm đăng ký tuyển sinh, nên Trường ĐH LĐXH chưa thể nhập vào phần mềm tuyển sinh của Trường. Đề nghị các thí sinh trên liên với Trường đã rút hồ sơ ĐKXT đề nghị xóa tên khỏi phần mềm tuyển sinh của Trường đó.

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:
- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
1	D760101	LNH005058	NGUYỄN HẰNG LÊ	1	C00	1,5	7,5	7	9,75	24,75	D760101 | C00 | 0				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
2	D760101	TND024761	CHU THỊ LỆ THỦY	1	C00	3,5	7,25	6	9	24,75	D760101 | C00 | 0				
3	D760101	SPH011222	ĐỖ THỊ MẬN	1	C00	1	7,5	8	8,5	24	D760101 | C00 | 2				
4	D760101	THV010295	LÊ THỊ MINH PHÚC	1	C00	1,5	8	6	9,25	23,75	D760101 | C00 | 3				
5	D760101	TDV031634	NGUYỄN THỊ TÌNH	1	C00	1,5	7,75	8	7,5	23,75	D760101 | C00 | 3				
6	D760101	TQU006574	NÔNG THỊ HOA XUÂN	1	C00	3,5	6,75	6,75	7,75	23,75	D760101 | C00 | 3				
7	D760101	THV015409	TẠ THỊ VƯƠNG	1	C00	2,5	6,5	6,75	9	23,75	D760101 | C00 | 3				
8	D760101	HDT018886	NGUYỄN THỊ NHUNG	1	C00	1,5	6	8	9,25	23,75	D760101 | C00 | 3				
9	D760101	THP009819	NGUYỄN TRẦN HOÀNG NAM	1	A00	1	7	7,5	8	23,5	D760101 | A00 | 8	D340404 | A00 | 0	D340202 | A00 | 0	D340101 | A00 | 0	
10	D760101	TDV021689	NGUYỄN MINH NGUYỆT	1	C00	1	8	7,25	8	23,25	D760101 | C00 | 9				
11	D760101	TND023780	ĐỖ VĂN THIÊM	1	C00	1,5	7,5	7,25	8	23,25	D760101 | C00 | 9				
12	D760101	KHA005441	PHẠM THỊ NHẬT LỆ	1	C00	1	7,5	6,5	9,25	23,25	D760101 | C00 | 9				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	**450**
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	**450**

Lưu ý:

- Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.

- Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
13	D760101	YTB022565	ĐOÀN THỊ THU TRANG	1	C00	1	7,25	7,5	8,5	23,25	D760101 | C00 | 9				
14	D760101	YTB016734	HỒ THỊ OANH	1	C00	1	6,75	7,5	9	23,25	D760101 | C00 | 9				
15	D760101	HHA010532	ĐẶNG THỊ NHUNG	1	C00	1	7,25	7	8,75	23	D760101 | C00 | 14				
16	D760101	HDT030373	LÒ THỊ YẾN	1	C00	3,5	6,75	5,75	7,75	22,75	D760101 | C00 | 15				
17	D760101	TND010132	TRẦN THỊ HUẾ	1	C00	3,5	6,75	5,5	8	22,75	D760101 | C00 | 15				
18	D760101	THV009601	TRỊNH MINH NGỌC	1	C00	0,5	6,5	9	7,75	22,75	D760101 | C00 | 15				
19	D760101	DCN002021	NGUYỄN THỊ DUYÊN	1	C00	0,5	6,5	8,5	8,25	22,75	D760101 | C00 | 15				
20	D760101	THV008833	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	1	C00	1,5	6,5	6,75	9	22,75	D760101 | C00 | 15				
21	D760101	HDT026601	LÊ THỊ TRANG	1	C00	3,5	6,5	6,5	7,25	22,75	D760101 | C00 | 15	D340404 | D01 | 447	D340202 | D01 | 122		
22	D760101	TND015041	TRIỆU THỊ LOAN	1	C00	3,5	6,25	7	7	22,75	D760101 | C00 | 15				
23	D760101	HDT000147	BÙI THỊ DƯƠNG ANH	1	C00	1,5	6	7	9,25	22,75	D760101 | C00 | 15				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
24	D760101	THV010447	LÒ THỊ PHƯƠNG	1	C00	3,5	6	6,75	7,5	22,75	D760101 | C00 | 15				
25	D760101	HDT018375	TRẦN THỊ NGUYỆT	1	C00	1	7,25	6,5	8,75	22,5	D760101 | C00 | 24				
26	D760101	TDV010940	PHẠM THỊ HOA	1	C00	1,5	7	7,5	7,5	22,5	D760101 | C00 | 24				
27	D760101	THV009701	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	1	C00	1,5	6,75	6,5	8,75	22,5	D760101 | C00 | 24				
28	D760101	TND012217	NÔNG THỊ HƯỜNG	1	C00	3,5	6,25	6	7,75	22,5	D760101 | C00 | 24				
29	D760101	TQU003599	ĐÀM VĂN MINH	1	C00	3,5	5,75	5,75	8,5	22,5	D760101 | C00 | 24				
30	D760101	TQU006585	SÉO THỊ XUYÊN	1	A00	3,5	5,5	6,75	6,75	22,5	D760101 | A00 | 24	D340202 | A00 | 1	D340404 | A00 | 1		
31	D760101	KHA007661	VŨ THỊ KHÁNH NI	1	C00	1	7,5	7,25	7,5	22,25	D760101 | C00 | 30				
32	D760101	DCN005242	BÙI THỊ HƯƠNG	1	C00	0,5	7	7,75	8	22,25	D760101 | C00 | 30				
33	D760101	HDT019910	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	1	C00	1	7	6,75	8,5	22,25	D760101 | C00 | 30	D340202 | D01 | 358			
34	D760101	LNH007467	NGUYỄN THÚY PHƯỢNG	1	C00	1,5	6	6,75	9	22,25	D760101 | C00 | 30				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
35	D760101	TDV016100	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN	1	A00	0,5	7,25	8	6,5	22,25	D760101 | A00 | 30	D340101 | A00 | 0	D340404 | A00 | 1		
36	D760101	SPH002829	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	1	C00	1	7	6,5	8,5	22	D760101 | C00 | 35				
37	D760101	KQH014843	MAI THỊ NGỌC TRÂM	1	C00	1	7	6,25	8,75	22	D760101 | C00 | 35				
38	D760101	TND006538	HOÀNG THỊ HẠ	1	C00	3,5	6,75	6,75	6	22	D760101 | C00 | 35				
39	D760101	LNH009636	BÙI HUYỀN TRANG	1	C00	1,5	6,5	6	9	22	D760101 | C00 | 35	D340404 | D01 | 288			
40	D760101	THV001149	TẦN MỸ CHÀI	1	C00	3,5	6	7	6,5	22	D760101 | C00 | 35				
41	D760101	TND000341	HOÀNG MAI ANH	1	C00	3,5	6	5,5	8	22	D760101 | C00 | 35				
42	D760101	DCN013055	VŨ HỒNG VÂN	1	C00	0,5	4,75	8,5	9,25	22	D760101 | C00 | 35				
43	D760101	THP014320	LÊ THỊ THỦY	1	D01	1	6,75	7,5	6,75	22	D760101 | D01 | 35	D340404 | D01 | 2	D340202 | D01 | 2	D340101 | D01 | 0	
44	D760101	TQU000128	NGUYỄN LAN ANH	1	C00	1,5	8,5	5,25	7,5	21,75	D760101 | C00 | 43				
45	D760101	DCN012201	NGUYỄN THÀNH TRUNG	1	C00	0,5	7,5	6,75	8	21,75	D760101 | C00 | 43				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
46	D760101	TQU006395	DƯƠNG THỊ VÂN	1	C00	3,5	7,5	4,5	7,25	21,75	D760101 | C00 | 43				
47	D760101	DCN010292	NGUYỄN THỊ THẢO	1	C00	0,5	7	6,75	8,5	21,75	D760101 | C00 | 43				
48	D760101	LNH004222	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	1	C00	1,5	6,75	7,25	7,25	21,75	D760101 | C00 | 43				
49	D760101	TLA014186	NGUYỄN THU TRANG	1	C00	0	6,75	7	9	21,75	D760101 | C00 | 43				
50	D760101	HHA013763	LƯU THỊ THỦY	1	C00	3,5	6,5	5,5	7,25	21,75	D760101 | C00 | 43				
51	D760101	TQU000862	NÔNG THỊ KIM DUNG	1	C00	3,5	6,5	5,5	7,25	21,75	D760101 | C00 | 43				
52	D760101	HDT002700	HOÀNG MINH CHIẾN	1	C00	1	6,25	7,75	7,75	21,75	D760101 | C00 | 43				
53	D760101	THV005213	VŨ THỊ HỒNG	1	C00	1,5	5,75	7,25	8,25	21,75	D760101 | C00 | 43				
54	D760101	DCN010807	LÒ THỊ KIM THU	1	C00	3,5	5,5	7	6,75	21,75	D760101 | C00 | 43				
55	D760101	THV012713	LÒ THỊ THOA	2	C00	3,5	5,5	5	8,75	21,75	D340301 | A00 | 687	D760101 | C00 | 43			
56	D760101	DCN000995	ĐỖ ĐĂNG BIÊN	1	C00	3,5	5	8	6,25	21,75	D760101 | C00 | 43				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
57	D760101	KHA001134	VŨ MINH CHÂU	1	D01	0,5	6	7,5	7,75	21,75	D760101 | D01 | 43	D340301 | D01 | 6			
58	D760101	TQU000738	MA THỊ DĨ	1	C00	3,5	7	4,75	7,25	21,5	D760101 | C00 | 57	D340202 | D01 | 94			
59	D760101	DCN005526	NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	1	C00	0,5	6,75	7,25	8	21,5	D760101 | C00 | 57				
60	D760101	TND006220	HOÀNG THU HÀ	1	C00	3,5	6,5	5,75	6,75	21,5	D760101 | C00 | 57				
61	D760101	THV010773	TRẦN MINH QUANG	1	C00	1,5	5,5	8,5	7	21,5	D760101 | C00 | 57				
62	D760101	THV012962	LỰ THỊ THÙY	1	C00	3,5	5,5	6	7,5	21,5	D760101 | C00 | 57				
63	D760101	TND018803	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	1	C00	3,5	5,5	6	7,5	21,5	D760101 | C00 | 57				
64	D760101	HHA013498	TRỊNH HỒNG THƠM	1	C00	1,5	8,25	5	7,5	21,25	D760101 | C00 | 63				
65	D760101	DCN010729	NGUYỄN THÚY HIỀN THƠ	1	C00	0,5	7	7	7,75	21,25	D760101 | C00 | 63				
66	D760101	THV013629	BÙI THỊ QUỲNH TRANG	1	C00	1,5	7	6,25	7,5	21,25	D760101 | C00 | 63				
67	D760101	TND021252	TRIỆU NHƯ QUỲNH	1	C00	3,5	7	4,5	7,25	21,25	D760101 | C00 | 63	D340101 | D01 | 42	D340301 | D01 | 230	D340202 | D01 | 41	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
68	D760101	TQU003058	HỨA THỊ LIỆU	1	C00	3,5	7	4,25	7,5	21,25	D760101 | C00 | 63				
69	D760101	DCN010412	PHÍ THỊ THẮM	1	C00	0,5	6,75	8	7	21,25	D760101 | C00 | 63				
70	D760101	HDT018327	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	1	C00	1,5	6,75	6,5	7,5	21,25	D760101 | C00 | 63				
71	D760101	TQU002882	HOÀNG THỊ KIỀU	1	C00	3,5	6,5	6,25	6	21,25	D760101 | C00 | 63				
72	D760101	THV006344	VŨ THỊ HƯƠNG	1	C00	1,5	6	6,5	8,25	21,25	D760101 | C00 | 63				
73	D760101	TND026622	NÔNG THỊ HUYỀN TRANG	1	C00	3,5	5,25	7	6,5	21,25	D760101 | C00 | 63				
74	D760101	THV012066	LÒ THỊ THAO	1	C00	3,5	5	6,5	7,25	21,25	D760101 | C00 | 63				
75	D760101	DCN006400	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	1	D01	0,5	6,75	7	7	21,25	D760101 | D01 | 63	D340404 | D01 | 10			
76	D760101	HHA003534	NGUYỄN THU GIANG	1	A00	3,5	6	6,5	5,25	21,25	D760101 | A00 | 63	D340404 | A00 | 10	D340202 | A00 | 6	D340101 | A00 | 1	
77	D760101	DCN011705	KIỀU THỊ LINH TRANG	1	A00	0,5	5	8,25	7,5	21,25	D760101 | A00 | 63	D340301 | A00 | 21	D340202 | A00 | 6	D340404 | A00 | 10	
78	D760101	THV001372	LÒ THỊ CHÍM	1	A00	3,5	4,75	7	6	21,25	D760101 | A00 | 63	D340202 | A00 | 6			

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
79	D760101	TDV000324	DƯƠNG THỊ HỒNG ANH	1	C00	0,5	7,5	6,25	7,75	21	D760101 | C00 | 78				
80	D760101	KQH002422	ĐỖ THỊ DUYÊN	1	C00	0,5	7	7,5	7	21	D760101 | C00 | 78				
81	D760101	TTB003774	DƯƠNG ĐÌNH LƯỢNG	1	C00	1,5	6,5	6,5	7,5	21	D760101 | C00 | 78				
82	D760101	TND021033	HÀ THỊ LƯỜNG QUỲNH	1	C00	3,5	6,25	4,75	7,5	21	D760101 | C00 | 78				
83	D760101	HDT018633	BÙI THỊ NHUNG	1	C00	1,5	5,75	7,25	7,5	21	D760101 | C00 | 78				
84	D760101	HDT024540	TRỊNH THỊ THU	1	C00	3,5	5,5	5,25	7,75	21	D760101 | C00 | 78				
85	D760101	TND001657	NÔNG NGUYỄN YÊN BẰNG	1	C00	3,5	5,25	5,75	7,5	21	D760101 | C00 | 78				
86	D760101	DCN008435	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	1	A00	0,5	6	7,25	7,25	21	D760101 | A00 | 78	D340404 | A00 | 14			
87	D760101	THV002084	NGUYỄN THỊ HẠNH DUNG	1	C00	1,5	7,5	6,75	6	20,75	D760101 | C00 | 86				
88	D760101	TQU004386	TRẦN THU PHƯƠNG	1	C00	1,5	7,5	5	7,75	20,75	D760101 | C00 | 86				
89	D760101	THV015470	ĐỖ THỊ THANH XUÂN	1	C00	1,5	7	5	8,25	20,75	D760101 | C00 | 86				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
90	D760101	TQU003505	HOÀNG HƯƠNG MAI	1	C00	3,5	7	5	6,25	20,75	D760101 | C00 | 86				
91	D760101	THP016385	PHẠM THỊ TUYẾT	1	C00	1	6,5	6	8,25	20,75	D760101 | C00 | 86				
92	D760101	THV004418	LÒ THỊ HIỆN	1	C00	3,5	6,5	5	6,75	20,75	D760101 | C00 | 86				
93	D760101	DCN011074	NGUYỄN THU THỦY	1	C00	0,5	6	7,5	7,75	20,75	D760101 | C00 | 86				
94	D760101	THV005846	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	1	C00	1,5	6	7	7,25	20,75	D760101 | C00 | 86				
95	D760101	THV000370	NGUYỄN HOÀNG NGỌC ANH	1	C00	1,5	6	6,5	7,75	20,75	D760101 | C00 | 86				
96	D760101	THV008607	LƯƠNG THỊ MÂY	1	C00	3,5	6	4	8,25	20,75	D760101 | C00 | 86				
97	D760101	TLA004770	TRẦN THANH HIÊN	1	D01	0	7	8	5,75	20,75	D760101 | D01 | 86				
98	D760101	THV013071	PHẠM NGỌC THỦY	1	A00	1,5	6,25	7,5	5,5	20,75	D760101 | A00 | 86	D340404 | A00 | 29			
99	D760101	KHA006950	ĐINH THỊ NGA	1	C00	1	8	6	6,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
100	D760101	TDV005244	HỒ THỊ DUYÊN	1	C00	1,5	7	6,5	6,5	20,5	D760101 | C00 | 98				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
101	D760101	TND014816	TRẦN THỊ THÙY LINH	1	C00	1,5	7	6,5	6,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
102	D760101	TTB004956	LÒ THỊ PHƯỢNG	1	C00	3,5	7	4	7	20,5	D760101 | C00 | 98				
103	D760101	THV011098	LÝ THỊ QUỲNH	1	C00	3,5	7	3,5	7,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
104	D760101	LNH008461	ĐOÀN THỊ THẢO	1	C00	1,5	6,75	6,75	6,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
105	D760101	HDT012119	LÊ THỊ HƯƠNG	1	C00	1	6,75	6,25	7,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
106	D760101	BKA002436	VŨ ĐỨC DUY	1	C00	1	6,75	6,25	7,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
107	D760101	KQH004731	NGUYỄN NGỌC HIỆP	1	C00	0,5	6,5	6,75	7,75	20,5	D760101 | C00 | 98				
108	D760101	TTB003485	LÊ THỊ KHÁNH LINH	1	C00	1,5	6,5	6,5	7	20,5	D760101 | C00 | 98				
109	D760101	HDT007900	LÒ THỊ HẰNG	1	C00	3,5	6,5	5	6,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
110	D760101	THV009825	LÒ THỊ NHÌNH	1	C00	3,5	5,75	5,5	6,75	20,5	D760101 | C00 | 98				
111	D760101	THV006482	ĐINH NGỌC KHẢI	1	C00	3,5	5,5	6,75	5,75	20,5	D760101 | C00 | 98				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
112	D760101	THV000791	LƯƠNG THỊ ÁNH	1	C00	3,5	5,25	5,75	7	20,5	D760101 | C00 | 98				
113	D760101	SPH006927	TÔ HUY HOÀNG	1	C00	2	5	7	7,5	20,5	D760101 | C00 | 98				
114	D760101	HDT029645	THIỀU THỊ HỒNG VÂN	1	A00	1,5	7,25	5,5	6,25	20,5	D760101 | A00 | 98	D340404 | A00 | 35	D340202 | A00 | 10	D340301 | A00 | 63	
115	D760101	LNH002768	LÊ HOÀNG THÚY HẠNH	1	A00	1,5	7,25	5	6,75	20,5	D760101 | A00 | 98	D340404 | A00 | 35	D340101 | A00 | 4	D340301 | A00 | 63	
116	D760101	SPH009415	DƯƠNG THỊ DIỆU LINH	1	A00	0,5	7	6,75	6,25	20,5	D760101 | A00 | 98	D340404 | A00 | 35			
117	D760101	YTB022990	PHẠM HUYỀN TRANG	1	A01	1	7	6,75	5,75	20,5	D760101 | A01 | 98	D340202 | A01 | 10			
118	D760101	TQU005518	TẠ THỊ THÚY	1	A00	1,5	6,5	5,25	7,25	20,5	D760101 | A00 | 98	D340202 | A00 | 10	D340101 | A00 | 4	D340404 | A00 | 35	
119	D760101	THV010673	LỲ XỪ PO	1	A00	3,5	4,5	7	5,5	20,5	D760101 | A00 | 98	D340404 | A00 | 35	D340202 | A00 | 10	D340101 | A00 | 4	
120	D760101	KQH008601	NGUYỄN DIỆU LY	1	C00	0,5	7,75	7,25	5,75	20,25	D760101 | C00 | 119	D340301 | D01 | 1002			
121	D760101	LNH005455	PHAN TRỌNG LINH	1	C00	1,5	7,5	7	5,25	20,25	D760101 | C00 | 119				
122	D760101	HVN010632	ĐẶNG MINH TIẾN	1	C00	0,5	7,25	6,25	7,25	20,25	D760101 | C00 | 119				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
123	D760101	BKA015178	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	1	C00	1	7	4,25	9	20,25	D760101 | C00 | 119				
124	D760101	TQU003803	TRẦN THỊ NGA	1	C00	1,5	6,75	5,25	7,75	20,25	D760101 | C00 | 119				
125	D760101	HHA003892	PHẠM THU HÀ	1	C00	0,5	6,5	5,75	8,5	20,25	D760101 | C00 | 119				
126	D760101	TND008844	PHƯƠNG NGỌC HOA	1	C00	3,5	6	5,75	6	20,25	D760101 | C00 | 119				
127	D760101	THV007476	LƯƠNG THỊ LINH	1	C00	3,5	6	5,25	6,5	20,25	D760101 | C00 | 119				
128	D760101	YTB009627	LÊ HOÀNG HUY	1	C00	1	5,75	7,75	6,75	20,25	D760101 | C00 | 119	D340202 | D01 | 154			
129	D760101	TND004819	DƯƠNG QUANG ĐẠO	1	C00	3,5	5,25	6	6,5	20,25	D760101 | C00 | 119				
130	D760101	TND002697	SẦM NGỌC CHUNG	1	C00	3,5	5	5,75	7	20,25	D760101 | C00 | 119				
131	D760101	TLA007588	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	1	D01	0	7,5	6	6,75	20,25	D760101 | D01 | 119	D340404 | D01 | 47	D340301 | D01 | 79		
132	D760101	KQH007610	LÊ NGỌC LIÊN	1	D01	0,5	5,75	8,25	5,75	20,25	D760101 | D01 | 119	D340101 | D01 | 6	D340404 | D01 | 47	D340202 | D01 | 13	
133	D760101	THV009952	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	1	A00	1,5	5,5	6,75	6,5	20,25	D760101 | A00 | 119	D340404 | A00 | 47	D340202 | A00 | 13		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
134	D760101	TND024187	ĐÀM CẦN THƠ	1	C00	3,5	7,5	4,5	5,5	20	D760101 | C00 | 133				
135	D760101	TND020257	NÔNG THỊ NGỌC PHƯỢNG	1	C00	3,5	6,75	3,75	7	20	D760101 | C00 | 133				
136	D760101	TLA005816	LÊ ĐÀM THU HUỆ	1	C00	0,5	6,5	7,5	6,5	20	D760101 | C00 | 133				
137	D760101	YTB002269	NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	1	C00	1	6,5	5,75	7,75	20	D760101 | C00 | 133				
138	D760101	THV004159	TRƯƠNG THỊ HẰNG	1	C00	1,5	6	5	8,5	20	D760101 | C00 | 133				
139	D760101	LNH004951	HÀ THỊ LAN	1	C00	3,5	5,75	6,25	5,5	20	D760101 | C00 | 133				
140	D760101	TTB007457	QUÀNG THỊ VÂN	1	C00	3,5	5	5	7,5	20	D760101 | C00 | 133				
141	D760101	BKA009982	TRẦN HỒNG NHUNG	1	D01	1	5,75	8	5,25	20	D760101 | D01 | 133	D340202 | D01 | 19	D340101 | D01 | 12		
142	D760101	TLA001908	NGUYỄN NGUYỄN LINH CHI	1	D01	2	4	7,5	6,5	20	D760101 | D01 | 133	D340101 | D01 | 12	D340301 | D01 | 94	D340404 | D01 | 61	
143	D760101	YTB008198	LÊ THỊ HOA	1	C00	1	7,5	6	6,25	19,75	D760101 | C00 | 142				
144	D760101	LNH004514	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	C00	1,5	7,5	4,5	7,25	19,75	D760101 | C00 | 142				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
145	D760101	SPH009010	ĐỖ QUỲNH LAN	1	C00	1	7	4	8,75	19,75	D760101 | C00 | 142				
146	D760101	DCN008069	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	1	C00	1	6,75	6,75	6,25	19,75	D760101 | C00 | 142				
147	D760101	DCN000596	PHÍ VĂN VIỆT ANH	1	C00	0,5	6,75	6,5	7	19,75	D760101 | C00 | 142				
148	D760101	TND023663	VI DIỆU THẮNG	1	C00	1,5	6,25	6	7	19,75	D760101 | C00 | 142				
149	D760101	DCN006476	NGUYỄN THUỲ LINH	1	C00	0,5	6	8	6,25	19,75	D760101 | C00 | 142				
150	D760101	HDT009330	TÔ THỊ HOA	1	C00	1	6	6,75	7	19,75	D760101 | C00 | 142				
151	D760101	YTB013925	TRẦN THỊ LÝ	1	C00	1	6	5,75	8	19,75	D760101 | C00 | 142				
152	D760101	TQU001318	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	1	C00	3,5	6	3,25	8	19,75	D760101 | C00 | 142				
153	D760101	TND001781	HOÀNG THỊ BIỀN	1	C00	3,5	5,5	6,25	5,5	19,75	D760101 | C00 | 142				
154	D760101	TND018991	NÔNG THỊ CẨM NHUNG	1	C00	3,5	5,5	6	5,75	19,75	D760101 | C00 | 142				
155	D760101	HHA016615	TRẦN HẢI YẾN	1	C00	3,5	5,5	4,5	7,25	19,75	D760101 | C00 | 142				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
156	D760101	HVN011200	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	1	C00	1	5,25	5,75	8,75	19,75	D760101 | C00 | 142				
157	D760101	HDT014442	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	1	A00	1	7,25	5	6,5	19,75	D760101 | A00 | 142	D340404 | A00 | 78	D340101 | A00 | 14	D340301 | A00 | 124	
158	D760101	SPH017477	MAI THU TRANG	1	D01	0	6,75	8	5	19,75	D760101 | D01 | 142	D340101 | D01 | 14	D340404 | D01 | 78	D340202 | D01 | 22	
159	D760101	THP003466	VŨ VĂN ĐỨC	1	A00	2	5	3,5	9,25	19,75	D760101 | A00 | 142	D340202 | A00 | 22	D340101 | A00 | 14	D340301 | A00 | 124	
160	D760101	YTB014752	PHẠM THỊ TRÀ MY	1	C00	1	7,5	6	6	19,5	D760101 | C00 | 159				
161	D760101	LNH002593	TRẦN THANH HÀ	1	C00	1,5	7,5	6	5,5	19,5	D760101 | C00 | 159				
162	D760101	DCN011627	CẤN THỊ THÙY TRANG	1	C00	0,5	7,5	5,25	7,25	19,5	D760101 | C00 | 159				
163	D760101	LNH002947	NGÔ THÚY HẰNG	1	C00	1,5	7,25	5	6,75	19,5	D760101 | C00 | 159				
164	D760101	KHA011370	VŨ THỊ TUYẾT	1	C00	1,5	7	4	8	19,5	D760101 | C00 | 159				
165	D760101	HHA010066	HOÀNG THẾ NGỌC	1	C00	0,5	6,25	6,25	7,5	19,5	D760101 | C00 | 159				
166	D760101	KQH002332	ĐOÀN QUANG DUY	1	C00	0,5	6,25	5,75	8	19,5	D760101 | C00 | 159				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
167	D760101	TDV026162	LÊ HOÀNG SƠN	1	C00	1,5	6	6,25	6,75	19,5	D760101 | C00 | 159				
168	D760101	THV013693	HÀ THỊ QUỲNH TRANG	1	C00	1,5	6	4,25	8,75	19,5	D760101 | C00 | 159				
169	D760101	HDT024662	VI THỊ THUẬN	1	C00	3,5	5,75	4,75	6,5	19,5	D760101 | C00 | 159				
170	D760101	YTB003077	TRƯƠNG VĂN DANG	1	C00	1	5,5	6,75	7,25	19,5	D760101 | C00 | 159				
171	D760101	TND001615	NÔNG THỊ BẮC	1	C00	3,5	5,25	6,5	5,25	19,5	D760101 | C00 | 159				
172	D760101	THV006163	LÊ THỊ HƯƠNG	1	C00	1,5	5	6	8	19,5	D760101 | C00 | 159				
173	D760101	TTB002051	QUÀNG THỊ HẰNG	1	C00	3,5	4	6	7	19,5	D760101 | C00 | 159				
174	D760101	HDT025885	VŨ THẾ TIẾN	1	D01	0,5	6,5	6,25	6,25	19,5	D760101 | D01 | 159	D340404 | D01 | 94	D340202 | D01 | 24		
175	D760101	KQH015735	NGUYỄN VĂN TUYÊN	1	A00	0,5	6,5	5	7,5	19,5	D760101 | A00 | 159	D340404 | A00 | 94	D340101 | A00 | 24		
176	D760101	KQH003486	ĐẶNG THỊ HÀ	1	C00	0,5	7	5,75	7	19,25	D760101 | C00 | 175				
177	D760101	HDT024344	HÀ DIỆU THU	1	C00	3,5	6,5	3,5	6,75	19,25	D760101 | C00 | 175				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
178	D760101	KHA006157	VŨ HOÀNG LONG	1	C00	1	6	6,25	7	19,25	D760101 | C00 | 175				
179	D760101	LNH007370	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	1	C00	0,5	6	6	7,75	19,25	D760101 | C00 | 175				
180	D760101	DCN009970	ĐỖ THỊ THANH THANH	1	C00	0,5	6	5,75	8	19,25	D760101 | C00 | 175				
181	D760101	HDT024825	NGUYỄN THỊ THÙY	1	C00	1	6	5	8,25	19,25	D760101 | C00 | 175				
182	D760101	THV015102	ĐẶNG THỊ HỒNG VÂN	1	C00	1,5	6	5	7,75	19,25	D760101 | C00 | 175				
183	D760101	TND026983	TRẦN THỊ TRINH	1	C00	3,5	5,75	3,5	7,5	19,25	D760101 | C00 | 175				
184	D760101	KQH015791	TẠ THỊ KIM TUYẾN	1	C00	0,5	5,5	6,25	8	19,25	D760101 | C00 | 175				
185	D760101	TND001534	HỨA VĂN BẢO	1	C00	3,5	5,25	5,5	6	19,25	D760101 | C00 | 175				
186	D760101	TDV009754	HOÀNG THỊ HIỀN	1	C00	1	4,25	7,25	7,75	19,25	D760101 | C00 | 175				
187	D760101	LNH008162	NGUYỄN VĂN TÂN	1	C00	0,5	4,25	6,5	9	19,25	D760101 | C00 | 175				
188	D760101	TDV013863	TRẦN KHÁNH HUYỀN	1	A00	1	7,75	6,75	3,75	19,25	D760101 | A00 | 175	D340202 | A00 | 32	D340301 | A00 | 194	D340101 | A00 | 31	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
189	D760101	KQH009914	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	1	D01	0,5	6	7	5,75	19,25	D760101 | D01 | 175	D340101 | D01 | 31			
190	D760101	HHA007546	TRƯƠNG THỊ MAI LAN	1	C00	1,5	7,75	5	5,75	19	D760101 | C00 | 189				
191	D760101	KQH013791	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	1	C00	0,5	7,5	6	6	19	D760101 | C00 | 189				
192	D760101	YTB021300	ĐÀO THU THỦY	1	C00	1	7,5	5	6,5	19	D760101 | C00 | 189				
193	D760101	TQU001912	HOÀNG THỊ HOA	1	C00	3,5	7	4,25	5,25	19	D760101 | C00 | 189				
194	D760101	HDT020290	VŨ THỊ BÍCH PHƯỢNG	1	C00	1,5	6,75	5,25	6,5	19	D760101 | C00 | 189				
195	D760101	HDT019775	LÊ THỊ PHƯƠNG	1	C00	0,5	6,5	6	7	19	D760101 | C00 | 189				
196	D760101	YTB007431	LÊ THỊ THU HIỀN	1	C00	1	6,5	5	7,5	19	D760101 | C00 | 189				
197	D760101	HDT000910	NGUYỄN DUY ANH	1	C00	0,5	6,5	4,5	8,5	19	D760101 | C00 | 189				
198	D760101	KQH007518	NGUYÊN ĐÌNH LÂN	1	C00	0,5	6,25	5	8,25	19	D760101 | C00 | 189				
199	D760101	THV002309	CAO NGỌC DUY	1	C00	0,5	6	6,5	7	19	D760101 | C00 | 189				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
200	D760101	BKA005496	TRẦN THỊ HỢP	1	C00	1	6	5	8	19	D760101 | C00 | 189				
201	D760101	SPH016669	VŨ THỊ PHƯƠNG THỦY	1	C00	0,5	6	4,75	8,75	19	D760101 | C00 | 189				
202	D760101	THV011846	ĐẶNG THỊ THANH	1	C00	1,5	5,5	6,25	6,75	19	D760101 | C00 | 189				
203	D760101	THV001398	HOÀNG THỊ PHƯƠNG CHINH	1	C00	3,5	5,5	5	6	19	D760101 | C00 | 189				
204	D760101	THV006301	PHÙNG THỊ HƯƠNG	1	C00	3,5	5,5	4,5	6,5	19	D760101 | C00 | 189				
205	D760101	KHA006933	NGUYỄN VĂN NĂNG	1	C00	1	5	7,5	6,5	19	D760101 | C00 | 189				
206	D760101	TND028669	TRIỆU THỊ TUYẾT	1	C00	3,5	5	4,75	6,75	19	D760101 | C00 | 189				
207	D760101	TTB005614	HỒ THANH THÁI	1	C00	1,5	4,5	7,5	6,5	19	D760101 | C00 | 189				
208	D760101	BKA007694	NGUYỄN TUẤN LINH	1	A00	0	6,25	6,25	6,5	19	D760101 | A00 | 189	D340202 | A00 | 41	D340404 | A00 | 131	D340301 | A00 | 230	
209	D760101	BKA007029	NGUYỄN THỊ LAN	1	D01	1	5,25	7,5	5,25	19	D760101 | D01 | 189	D340101 | D01 | 42	D340404 | D01 | 131		
210	D760101	KHA009906	NGUYỄN THỊ THÚY	1	D01	0,5	4,75	7,5	6,25	19	D760101 | D01 | 189	D340404 | D01 | 131	D340301 | D01 | 230	D340202 | D01 | 41	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
211	D760101	YTB000908	NGUYỄN THỊ TRUNG ANH	1	C00	1	7,5	5,25	6	18,75	D760101 | C00 | 210				
212	D760101	BKA002038	ĐỖ VĂN DOANH	1	C00	1	7,5	4,25	7	18,75	D760101 | C00 | 210				
213	D760101	THV008435	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	1	C00	1,5	7,5	3	7,75	18,75	D760101 | C00 | 210	D340404 | D01 | 809	D340301 | D01 | 1021		
214	D760101	LNH006820	NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỆT	1	C00	0,5	6,75	4	8,5	18,75	D760101 | C00 | 210				
215	D760101	SPH014967	TRƯƠNG THANH SƠN	1	C00	0	6,5	6,75	6,5	18,75	D760101 | C00 | 210				
216	D760101	HHA001534	NGUYỄN QUỲNH CHI	1	C00	0,5	6,5	5,5	7,25	18,75	D760101 | C00 | 210				
217	D760101	TND023152	NGUYỄN THỊ THẢO	4	C00	1,5	6,25	5	7	18,75	D340101 | D01 | 487	D340301 | D01 | 1014	D340404 | D01 | 803	D760101 | C00 | 210	
218	D760101	THV003547	NGUYỄN THỊ THU HÀ	1	C00	1,5	6,25	4,5	7,5	18,75	D760101 | C00 | 210	D340404 | A00 | 809			
219	D760101	THV012776	BÙI HỒNG THU	1	C00	1,5	6,25	3,75	8,25	18,75	D760101 | C00 | 210				
220	D760101	YTB009200	NGUYỄN THỊ VÂN HUẾ	1	C00	1	6	5,5	7,25	18,75	D760101 | C00 | 210				
221	D760101	THV002995	HOÀNG LÊ TUẤN ĐỨC	1	C00	1,5	6	4,5	7,75	18,75	D760101 | C00 | 210				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
222	D760101	HDT024522	TRẦN KIM THU	1	C00	0,5	5,75	7,5	6	18,75	D760101 | C00 | 210				
223	D760101	THV009803	ĐOÀN THỊ NHI	1	C00	1,5	5,75	4,25	8,25	18,75	D760101 | C00 | 210				
224	D760101	HDT024736	NGUYỄN THỊ THUÝ	1	C00	1	5,5	4,75	8,5	18,75	D760101 | C00 | 210				
225	D760101	HHA011076	HÀ THỊ PHƯƠNG	1	C00	1,5	5,25	7,5	5,5	18,75	D760101 | C00 | 210				
226	D760101	TDV035117	LÊ THANH TÙNG	1	C00	1	5	6,25	7,5	18,75	D760101 | C00 | 210				
227	D760101	HHA000802	PHẠM TÂM ANH	1	C00	0,5	5	6	8,25	18,75	D760101 | C00 | 210				
228	D760101	TND022170	ĐẶNG VĂN TẦM	1	C00	3,5	5	6	5,25	18,75	D760101 | C00 | 210				
229	D760101	TND003029	LÊ HỒNG CƯƠNG	1	C00	3,5	5	5,5	5,75	18,75	D760101 | C00 | 210				
230	D760101	HVN008141	KHỔNG VĂN PHÚC	1	A01	0	6,5	6,5	5,75	18,75	D760101 | A01 | 210	D340101 | A01 | 49	D340202 | A01 | 49	D340301 | A01 | 292	
231	D760101	HDT024718	QUÁCH THỊ THUỶ	1	A00	3,5	6,25	3,75	5,25	18,75	D760101 | A00 | 210	D340404 | A00 | 158	D340301 | A00 | 292	D340202 | A00 | 49	
232	D760101	SPH002407	NGUYỄN LINH CHI	1	D01	0	5,25	7	6,5	18,75	D760101 | D01 | 210	D340404 | D01 | 158	D340101 | D01 | 49		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
233	D760101	TQU005593	VŨ VĂN THƯỜNG	1	D01	1,5	5,25	6	6	18,75	D760101 | D01 | 210	D340404 | D01 | 158	D340202 | D01 | 49	D340101 | D01 | 49	
234	D760101	SPH013168	TRẦN THỊ NHUNG	1	D01	0	5	6,5	7,25	18,75	D760101 | D01 | 210	D340404 | D01 | 158			
235	D760101	THV003612	PHÙNG THỊ VIỆT HÀ	1	D01	3,5	2,75	6	6,5	18,75	D760101 | D01 | 210	D340101 | D01 | 49			
236	D760101	TLA001939	TẠ THỊ LINH CHI	1	C00	0,5	7,5	4,75	6,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
237	D760101	YTB012905	NGUYỄN THÙY LINH	1	C00	1	7,25	5,25	6	18,5	D760101 | C00 | 235				
238	D760101	LNH007733	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	1	C00	1,5	7,25	4	6,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
239	D760101	YTB013764	VŨ THỊ LƯƠNG	1	C00	1	7	4,75	6,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
240	D760101	SPH014570	PHẠM THỊ QUỲNH	1	C00	2,5	7	4,25	5,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
241	D760101	HHA006895	PHẠM NINH HƯƠNG	1	C00	1	6,75	4,25	7,5	18,5	D760101 | C00 | 235				
242	D760101	DCN012097	NGUYỄN VIỆT TRINH	1	C00	0,5	6,5	7	5,5	18,5	D760101 | C00 | 235				
243	D760101	TTB001662	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	1	C00	1,5	6,5	4,5	7	18,5	D760101 | C00 | 235				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
244	D760101	THV002441	NGUYỄN THỊ QUỲNH DUYÊN	1	C00	1,5	6,25	6	5,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
245	D760101	TND010466	LƯƠNG SỸ HÙNG	1	C00	1,5	6,25	5	6,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
246	D760101	DCN000214	KIỀU THỊ ANH	1	C00	0,5	6	7,25	5,75	18,5	D760101 | C00 | 235	D340202 | D01 | 364	D340101 | D01 | 502	D340301 | D01 | 1024	
247	D760101	TQU001326	NGUYỄN THỊ GIANG	1	C00	1,5	6	6,5	5,5	18,5	D760101 | C00 | 235				
248	D760101	SPH001386	PHẠM TUẤN ANH	1	C00	0	6	5,5	8	18,5	D760101 | C00 | 235	D340404 | D01 | 779	D340101 | D01 | 476	D340202 | D01 | 313	
249	D760101	THV006186	LƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	1	C00	1,5	6	5,25	6,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
250	D760101	YTB003658	BÙI ĐẮC DŨNG	1	C00	1	5,5	6	7	18,5	D760101 | C00 | 235				
251	D760101	THV005960	VÀNG MINH HUYỀN	1	C00	3,5	5,5	5,5	5	18,5	D760101 | C00 | 235				
252	D760101	TQU002008	SẢI THU HOÀI	1	C00	3,5	5,5	4,75	5,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
253	D760101	THV006837	GIÀNG THỊ LÀ	1	C00	3,5	5,5	3,75	6,75	18,5	D760101 | C00 | 235				
254	D760101	HHA008105	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	1	C00	0,5	4,5	6,5	8	18,5	D760101 | C00 | 235				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
255	D760101	THV001307	VŨ PHƯƠNG CHI	1	C00	1,5	4,25	5,25	8,5	18,5	D760101 | C00 | 235				
256	D760101	TND003012	ĐẶNG NGỌC CƯƠNG	1	C00	3,5	3,75	6	6,25	18,5	D760101 | C00 | 235				
257	D760101	TDV018301	LƯƠNG THỊ MỸ LY	1	A00	0,5	6	5,75	6,25	18,5	D760101 | A00 | 235	D340202 | A00 | 55	D340301 | A00 | 349	D340404 | A00 | 192	
258	D760101	SPH000094	VŨ TRƯỜNG AN	1	A00	0	5,75	6,5	6,25	18,5	D760101 | A00 | 235	D340404 | A00 | 192	D340202 | A00 | 55	D340101 | A00 | 60	
259	D760101	TND002255	MA THỊ CHI	1	A00	3,5	5,25	3,5	6,25	18,5	D760101 | A00 | 235	D340202 | A00 | 55	D340301 | A00 | 349	D340404 | A00 | 192	
260	D760101	DCN006360	NGUYỄN KHÁNH LINH	1	D01	1	4,75	6,5	6,25	18,5	D760101 | D01 | 235	D340202 | D01 | 55	D340101 | D01 | 60		
261	D760101	HDT010395	LÊ THỊ HUẾ	1	D01	1,5	4,25	6	6,75	18,5	D760101 | D01 | 235	D340301 | D01 | 349	D340404 | D01 | 192	D340101 | D01 | 60	
262	D760101	BKA006499	TRẦN DIỆU HƯƠNG	1	C00	0	7,75	5	6,5	18,25	D760101 | C00 | 261	D340404 | D01 | 380	D340301 | D01 | 687	D340202 | D01 | 105	
263	D760101	TND001197	VŨ QUỲNH ANH	1	C00	1	6,5	6	5,75	18,25	D760101 | C00 | 261				
264	D760101	THV004545	LÊ QUANG HIẾU	1	C00	0,5	6,5	5,25	7	18,25	D760101 | C00 | 261				
265	D760101	BKA004445	ĐOÀN THỊ HIỀN	1	C00	1	6,5	4,75	7	18,25	D760101 | C00 | 261				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
266	D760101	TQU003297	VƯƠNG THÙY LINH	1	C00	3,5	6,5	2,25	7	18,25	D760101 | C00 | 261				
267	D760101	KQH005270	TRẦN THỊ THU HOÀI	1	C00	0,5	6,25	4,25	8,25	18,25	D760101 | C00 | 261				
268	D760101	HDT001926	NGUYỄN QUANG BA	1	C00	0,5	6	6,25	6,5	18,25	D760101 | C00 | 261				
269	D760101	HDT011886	NGUYỄN VIỆT HƯNG	1	C00	0,5	6	6	6,75	18,25	D760101 | C00 | 261				
270	D760101	TND018102	NÔNG THỊ BÍCH NGỌC	1	C00	3,5	6	4,75	5	18,25	D760101 | C00 | 261				
271	D760101	HHA009213	NGUYỄN DUY MINH	1	C00	0,5	5,75	5,75	7,25	18,25	D760101 | C00 | 261				
272	D760101	TND013700	LÝ MỸ LỆ	1	C00	3,5	5,75	3,5	6,5	18,25	D760101 | C00 | 261				
273	D760101	TQU005763	ĐỖ THỊ THẢO TRANG	1	C00	1,5	5,5	5,5	6,75	18,25	D760101 | C00 | 261				
274	D760101	TQU006502	SÙNG SEO VU	1	C00	3,5	5,5	5,5	4,75	18,25	D760101 | C00 | 261				
275	D760101	TND025777	HOÀNG VĂN TOÀN	1	C00	1,5	5,25	6	6,5	18,25	D760101 | C00 | 261				
276	D760101	THV001902	HOÀNG THỊ BÍCH DẺO	1	C00	3,5	5	4	6,75	18,25	D760101 | C00 | 261				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
277	D760101	THV001691	HÀ ĐÌNH CƯƠNG	1	C00	3,5	4,5	4,5	6,75	18,25	D760101 | C00 | 261				
278	D760101	DCN013493	VŨ THỊ MINH YẾN	1	A01	0,5	6,25	6,25	5,25	18,25	D760101 | A01 | 261	D340202 | A01 | 63			
279	D760101	BKA008292	LÊ ANH HƯƠNG LY	1	D01	0	5,25	7	6	18,25	D760101 | D01 | 261	D340404 | D01 | 228			
280	D760101	HDT014676	PHAN DIỆU LINH	1	D01	0,5	4,5	7,75	5,5	18,25	D760101 | D01 | 261	D340404 | D01 | 228	D340202 | D01 | 63	D340301 | D01 | 414	
281	D760101	DCN012113	VŨ THỊ VIỆT TRINH	1	D01	1	3,75	7,25	6,25	18,25	D760101 | D01 | 261	D340404 | D01 | 228			
282	D760101	TQU006432	PHÙNG THỊ HỒNG VÂN	1	D01	3,5	3,5	6	5,25	18,25	D760101 | D01 | 261	D340202 | D01 | 63	D340301 | D01 | 414	D340101 | D01 | 77	
283	D760101	THV013744	LÊ QUỲNH TRANG	1	D01	1,5	2,75	7,5	6,5	18,25	D760101 | D01 | 261	D340404 | D01 | 228			
284	D760101	THP007304	PHẠM THỊ HƯỜNG	1	C00	1	7,25	4,75	6	18	D760101 | C00 | 283				
285	D760101	SPH012231	TRỊNH HỒNG NGA	1	C00	0,5	7	5	6,5	18	D760101 | C00 | 283	D340404 | D01 | 803	D340301 | D01 | 1014		
286	D760101	HHA004400	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	1	C00	0,5	7	4,75	6,75	18	D760101 | C00 | 283	D340301 | D01 | 818			
287	D760101	THV003318	NGUYỄN THỊ TỐ GIANG	1	C00	0,5	6,75	4,5	7,25	18	D760101 | C00 | 283				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
288	D760101	DCN004871	CHU THỊ HUYỀN	1	C00	0,5	6,5	5	7	18	D760101 | C00 | 283				
289	D760101	TTB006277	NGUYỄN HOÀI THU	1	C00	1,5	6,5	5	6	18	D760101 | C00 | 283				
290	D760101	HHA004559	ĐOÀN THÚY HIỀN	1	C00	0,5	6,5	4,75	7,25	18	D760101 | C00 | 283	D340202 | D01 | 224	D340404 | D01 | 723		
291	D760101	DCN005570	HOÀNG THỊ HƯỚNG	1	C00	0,5	6,5	4,5	7,5	18	D760101 | C00 | 283				
292	D760101	TLA000764	NGUYỄN QUANG ANH	1	C00	0	6,25	5,25	7,5	18	D760101 | C00 | 283				
293	D760101	YTB013722	HOÀNG VĂN LƯƠNG	1	C00	1	6,25	5	6,75	18	D760101 | C00 | 283				
294	D760101	HDT023402	QUÁCH PHƯƠNG THẢO	1	C00	1,5	6,25	5	6,25	18	D760101 | C00 | 283				
295	D760101	KHA000338	NGUYỄN HOÀNG ANH	1	C00	0,5	6	5,75	6,75	18	D760101 | C00 | 283				
296	D760101	HHA001860	PHẠM THỊ THU CÚC	1	C00	1,5	6	3,25	8,25	18	D760101 | C00 | 283				
297	D760101	KQH015406	MAI QUỐC TUẤN	1	C00	1	5,75	6,5	5,75	18	D760101 | C00 | 283				
298	D760101	BKA003623	ĐẶNG HOÀNG HÀ	1	C00	1	5,5	5,5	7	18	D760101 | C00 | 283				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
299	D760101	LNH005528	BÙI PHƯƠNG LOAN	1	C00	3,5	5,5	4,5	5,5	18	D760101 | C00 | 283				
300	D760101	TND003011	ĐẶNG NGỌC CƯƠNG	1	C00	3,5	5,25	5,5	4,75	18	D760101 | C00 | 283				
301	D760101	TDV026101	ĐẶNG QUANG SƠN	1	C00	0,5	5,25	5,25	8	18	D760101 | C00 | 283				
302	D760101	HDT023580	VĂN THỊ THẮM	1	C00	1,5	5,25	5,25	7	18	D760101 | C00 | 283				
303	D760101	TQU001358	TRẦN HƯƠNG GIANG	1	C00	3,5	5,25	4	6,25	18	D760101 | C00 | 283				
304	D760101	TND019807	HOÀNG THỊ LAN PHƯƠNG	1	C00	3,5	5,25	3,5	6,75	18	D760101 | C00 | 283	D340202 | D01 | 276	D340404 | D01 | 756	D340101 | D01 | 466	
305	D760101	THV010058	SÈN THỊ OAI	1	C00	1,5	5	5,75	6,75	18	D760101 | C00 | 283				
306	D760101	TND026775	VI THỊ TRANG	1	C00	3,5	5	5,5	5	18	D760101 | C00 | 283				
307	D760101	TTB002310	LÒ THỊ HOA	1	C00	3,5	5	4,5	6	18	D760101 | C00 | 283				
308	D760101	TND008661	CHU THỊ HOA	1	C00	3,5	4,5	4,75	6,25	18	D760101 | C00 | 283				
309	D760101	HHA001676	MÔNG THỊ CHINH	1	C00	3,5	3,75	4,5	7,25	18	D760101 | C00 | 283				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
310	D760101	DHU020678	PHẠM THỊ THANH THANH	1	A00	0,5	6,5	5,5	5,5	18	D760101 | A00 | 283	D340202 | A00 | 74	D340404 | A00 | 250		
311	D760101	THV010564	TRẦN CHI PHƯƠNG	1	A00	1,5	6,5	5,5	4,5	18	D760101 | A00 | 283	D340404 | A00 | 250	D340301 | A00 | 473	D340202 | A00 | 74	
312	D760101	TQU005201	TRẦN QUYẾT THẮNG	1	A00	1,5	4,75	4,25	7,5	18	D760101 | A00 | 283	D340202 | A00 | 74			
313	D760101	TND015493	MA THỊ LỰNG	1	D01	3,5	3	7,5	4	18	D760101 | D01 | 283	D340301 | D01 | 473	D340202 | D01 | 74	D340404 | D01 | 250	
314	D760101	TQU004079	ĐẶNG TIỂU NHU	1	C00	1,5	7,5	5,25	4,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
315	D760101	TLA007943	NGUYỄN KHÁNH LINH	2	C00	0	7	5,5	6,25	17,75	D340202 | D01 | 345	D760101 | C00 | 313			
316	D760101	THV006290	PHẠM THỊ HƯƠNG	1	C00	1,5	6,75	5	5,5	17,75	D760101 | C00 | 313	D340202 | D01 | 364	D340101 | D01 | 502		
317	D760101	HHA011105	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	1	C00	1,5	6,75	4,75	5,75	17,75	D760101 | C00 | 313	D340202 | D01 | 313			
318	D760101	SPH015958	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	1	C00	0,5	6,5	7	4,75	17,75	D760101 | C00 | 313				
319	D760101	TQU000747	NGUYỄN THỊ DIỄM	1	C00	3,5	6,25	5,25	3,75	17,75	D760101 | C00 | 313				
320	D760101	TND014218	HOÀNG TÙNG LINH	1	C00	3,5	6,25	3,5	5,5	17,75	D760101 | C00 | 313				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
321	D760101	DCN011581	HOÀNG MINH TỚI	1	C00	0,5	6	6,75	5,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
322	D760101	HDT030517	TRẦN NGỌC TÚ	1	C00	1,5	6	6,25	5	17,75	D760101 | C00 | 313				
323	D760101	SPH015680	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	1	C00	0,5	6	5,75	6,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
324	D760101	TND017464	VŨ THỊ THANH NGA	1	C00	1,5	6	4,5	6,75	17,75	D760101 | C00 | 313				
325	D760101	HDT023505	VŨ THU THẢO	1	C00	1,5	5,75	6	5,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
326	D760101	HHA010317	BÙI BÍCH NGUYỆT	1	C00	1,5	5,75	4,5	7	17,75	D760101 | C00 | 313				
327	D760101	KHA008157	NGHIÊM VĂN QUANG	1	C00	0,5	5,5	6	6,75	17,75	D760101 | C00 | 313				
328	D760101	HDT012074	LÊ THỊ HƯƠNG	1	C00	1	5,5	5,75	6,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
329	D760101	TLA005250	VŨ MINH HIẾU	1	C00	0,5	5,25	6	7	17,75	D760101 | C00 | 313				
330	D760101	THP016226	PHẠM THANH TÙNG	1	C00	0,5	5	7	6,25	17,75	D760101 | C00 | 313				
331	D760101	SPH014271	TRẦN MINH QUÂN	1	C00	0	5	6,25	7,5	17,75	D760101 | C00 | 313				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
332	D760101	TND012494	BÙI CAM KHÁNH	1	C00	1,5	5	6	6,25	17,75	D760101 | C00 | 313				
333	D760101	TND002098	HOÀNG THỊ CHÂM	1	C00	3,5	5	4,75	5,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
334	D760101	TLA007525	TRẦN THỊ LỆ	1	C00	2	4,75	6	6	17,75	D760101 | C00 | 313				
335	D760101	HHA005168	VŨ THỊ HOA	1	C00	1,5	4,5	5,75	7	17,75	D760101 | C00 | 313				
336	D760101	HDT004149	ĐÀM ANH DŨNG	1	C00	1,5	4,5	5,25	7,5	17,75	D760101 | C00 | 313				
337	D760101	TTB002364	ĐÀO VIỆT HÒA	1	D01	1,5	6,75	7	2,5	17,75	D760101 | D01 | 313	D340202 | D01 | 84	D340404 | D01 | 288		
338	D760101	TQU003920	NGUYỄN BÍCH NGỌC	1	A00	1,5	6,75	6	3,5	17,75	D760101 | A00 | 313	D340404 | A00 | 288	D340202 | A00 | 84	D340101 | A00 | 124	
339	D760101	TLA008356	VŨ PHƯƠNG LINH	1	D01	0	6	6	5,75	17,75	D760101 | D01 | 313	D340101 | D01 | 124			
340	D760101	TLA007763	KÊ TÚ LINH	1	D01	0	6	5,5	6,25	17,75	D760101 | D01 | 313	D340404 | D01 | 288	D340101 | D01 | 124	D340301 | D01 | 550	
341	D760101	SPH018091	NGUYỄN ANH TRUNG	1	D01	0	5,75	6,5	5,5	17,75	D760101 | D01 | 313	D340101 | D01 | 124			
342	D760101	THV000854	TRẦN NGỌC ÁNH	1	A00	1,5	5,5	5	5,75	17,75	D760101 | A00 | 313	D340301 | A00 | 550			

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
343	D760101	HDT027599	LƯU THIỆN TRUNG	1	A00	1,5	5	5,25	6	17,75	D760101 | A00 | 313	D340404 | A00 | 288	D340202 | A00 | 84	D340101 | A00 | 124	
344	D760101	TLA007829	LÊ THUỲ LINH	1	D01	0,5	4,75	6	6,5	17,75	D760101 | D01 | 313	D340202 | D01 | 84			
345	D760101	TND011778	HOÀNG THU HƯƠNG	1	A00	3,5	4,75	3,75	5,75	17,75	D760101 | A00 | 313	D340404 | A00 | 288	D340202 | A00 | 84		
346	D760101	KQH016659	TRẦN THỊ YẾN	1	D01	0,5	4,5	7	5,75	17,75	D760101 | D01 | 313	D340404 | D01 | 288	D340101 | D01 | 124		
347	D760101	BKA000621	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	1	D01	1	4,25	6	6,5	17,75	D760101 | D01 | 313				
348	D760101	BKA001570	VŨ THỊ LINH CHI	1	C00	1	7,75	4,25	5,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
349	D760101	THV015156	PHÙNG THANH VÂN	2	C00	1,5	7,25	4,75	5	17,5	D340404 | D01 | 809	D760101 | C00 | 347	D340202 | D01 | 358		
350	D760101	LNH006454	NGUYỄN THỊ NGA	1	C00	0,5	7,25	3,25	7,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
351	D760101	BKA013172	NGUYỄN VĂN TOÀN	1	C00	1	7	3,5	7	17,5	D760101 | C00 | 347				
352	D760101	TDV006868	NGUYỄN VĂN ĐỨC	1	C00	1	6,75	5,25	5,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
353	D760101	HDT010139	NGUYỄN THỊ HỒNG	1	C00	1	6,75	3	7,75	17,5	D760101 | C00 | 347				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
354	D760101	SPH019929	PHÙNG TRUNG HIẾU	1	C00	0	6,5	6	6	17,5	D760101 | C00 | 347				
355	D760101	HDT018593	VŨ ĐAN NHI	1	C00	0,5	6,5	5,25	6,25	17,5	D760101 | C00 | 347				
356	D760101	TLA011446	LÊ TÔN QUÝ	1	C00	0,5	6	5,25	6,75	17,5	D760101 | C00 | 347				
357	D760101	THV004510	ĐỖ VĂN HIẾU	1	C00	1,5	6	4	7	17,5	D760101 | C00 | 347				
358	D760101	TTB000395	ĐỖ TIẾN BÌNH	1	C00	1,5	6	3,5	7,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
359	D760101	LNH004230	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	1	C00	3,5	6	3	6	17,5	D760101 | C00 | 347				
360	D760101	THV008438	NGUYỄN THỊ THANH MAI	1	C00	1,5	5,75	4,75	6,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
361	D760101	YTB003992	PHẠM KHƯƠNG DUY	1	C00	1	5,5	6,5	5,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
362	D760101	DCN006722	TRẦN THỊ PHƯƠNG LOAN	1	C00	0,5	5,5	5,5	7	17,5	D760101 | C00 | 347				
363	D760101	THV002115	PHAN THÙY DUNG	1	C00	1,5	5,5	4,5	7	17,5	D760101 | C00 | 347				
364	D760101	TQU004437	HOÀNG MINH QUANG	1	C00	3,5	5,25	5,25	4,5	17,5	D760101 | C00 | 347				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
365	D760101	TND013437	BÀN THỊ LÀNH	1	C00	3,5	5,25	4,25	5,5	17,5	D760101 | C00 | 347				
366	D760101	SPH004985	PHẠM HOÀNG HÀ	1	C00	1,5	5	5	7	17,5	D760101 | C00 | 347				
367	D760101	TTB002403	ĐỖ THỊ HOÀI	1	C00	1,5	5	5	7	17,5	D760101 | C00 | 347				
368	D760101	THV004642	PHÙNG TRUNG HIẾU	1	C00	1,5	4,75	4,25	8	17,5	D760101 | C00 | 347				
369	D760101	THV002278	TRẦN MẠNH DŨNG	1	C00	1,5	4	5	8	17,5	D760101 | C00 | 347				
370	D760101	SPH017903	ĐÀO NGỌC TRÂM	1	D01	0	5,75	6,5	5,25	17,5	D760101 | D01 | 347				
371	D760101	KHA003218	NGUYỄN DIỆU HẰNG	1	D01	0	5	7	5,5	17,5	D760101 | D01 | 347	D340404 | D01 | 338	D340101 | D01 | 152	D340202 | D01 | 94	
372	D760101	KQH001292	NGUYỄN LAN CHI	1	D01	1,5	5	6,5	4,5	17,5	D760101 | D01 | 347				
373	D760101	TDV027084	PHAN THỊ TÂM	1	A00	1,5	5	6,5	4,5	17,5	D760101 | A00 | 347	D340301 | A00 | 626	D340101 | A00 | 152		
374	D760101	TTB003626	TRẦN THỦY LOAN	1	A00	1,5	4,75	5,75	5,5	17,5	D760101 | A00 | 347	D340404 | A00 | 338	D340202 | A00 | 94	D340301 | A00 | 626	
375	D760101	HDT004886	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	1	A00	0,5	4,5	7	5,5	17,5	D760101 | A00 | 347	D340101 | A00 | 152	D340301 | A00 | 626	D340404 | A00 | 338	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
376	D760101	HVN008403	TRƯƠNG MINH PHƯƠNG	1	D01	0	3,5	7,75	6,25	17,5	D760101 | D01 | 347	D340202 | D01 | 94			
377	D760101	TND001962	NÔNG THỊ BỞI	1	D01	3,5	3	7,75	3,25	17,5	D760101 | D01 | 347	D340202 | D01 | 94			
378	D760101	BKA008847	NGUYỄN HÀ MY	1	C00	0	7,5	4,75	6	17,25	D760101 | C00 | 377				
379	D760101	BKA000772	PHẠM QUỲNH ANH	1	C00	0	7	4,75	6,5	17,25	D760101 | C00 | 377				
380	D760101	BKA014722	CHU THỊ UYÊN	1	C00	1	6,75	4	6,5	17,25	D760101 | C00 | 377				
381	D760101	HHA003755	NGUYỄN THỊ HÀ	1	C00	0,5	6,5	4,5	6,75	17,25	D760101 | C00 | 377				
382	D760101	THV009514	NGUYỄN QUỲNH BÍCH NGỌC	1	C00	1,5	6,5	4	6,25	17,25	D760101 | C00 | 377				
383	D760101	TND022518	PHẠM THỊ THANH THANH	1	C00	1,5	6	5,25	5,5	17,25	D760101 | C00 | 377				
384	D760101	HDT019280	NGUYỄN THỊ OANH	1	C00	1	6	4,5	6,75	17,25	D760101 | C00 | 377				
385	D760101	KQH000280	LÊ TUẤN ANH	1	C00	0,5	6	3	8,75	17,25	D760101 | C00 | 377				
386	D760101	TND005144	ĐỒNG THỊ QUỲNH ĐIỆP	1	C00	3,5	6	2,75	6	17,25	D760101 | C00 | 377				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
387	D760101	DCN005593	CẤN ANH KHẢI	1	C00	0,5	5,75	5,75	6,25	17,25	D760101 | C00 | 377				
388	D760101	HDT020970	ĐÀO THỊ QUỲNH	1	C00	1	5,75	4	7,5	17,25	D760101 | C00 | 377				
389	D760101	HHA011022	BÙI THỊ PHƯƠNG	1	C00	1	5,5	3,75	8	17,25	D760101 | C00 | 377				
390	D760101	KQH006634	LÊ THỊ HƯƠNG	1	C00	0,5	5,25	5	7,5	17,25	D760101 | C00 | 377				
391	D760101	TND014895	VY THÙY LINH	1	C00	3,5	5,25	4,5	5	17,25	D760101 | C00 | 377				
392	D760101	DCN001648	PHÙNG ĐOÀI HOÀNG DIỆU	1	C00	0,5	5	5,25	7,5	17,25	D760101 | C00 | 377				
393	D760101	TQU000663	HOÀNG QUỐC CƯỜNG	1	C00	3,5	4,75	3,25	6,75	17,25	D760101 | C00 | 377				
394	D760101	YTB018947	TRẦN VĂN TÀI	1	C00	1	4,5	6	6,75	17,25	D760101 | C00 | 377				
395	D760101	TND011026	ĐÀM THỊ HỒNG HUYỀN	1	C00	3,5	3,75	4,75	6,25	17,25	D760101 | C00 | 377				
396	D760101	BKA003521	PHẠM HƯƠNG GIANG	1	A00	0	6,5	4	6,75	17,25	D760101 | A00 | 377	D340404 | A00 | 380	D340301 | A00 | 687	D340202 | A00 | 105	
397	D760101	SPH012323	NGUYỄN THU NGÂN	1	D01	0	5,5	6,5	5,25	17,25	D760101 | D01 | 377	D340301 | D01 | 687	D340404 | D01 | 380		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
398	D760101	KQH006486	NGUYỄN ĐẠT HƯNG	1	A00	0,5	5,5	6,5	4,75	17,25	D760101 | A00 | 377	D340404 | A00 | 380			
399	D760101	TLA001111	PHẠM THỊ TÚ ANH	1	D01	0	4,75	7	5,5	17,25	D760101 | D01 | 377	D340202 | D01 | 105	D340301 | D01 | 687	D340101 | D01 | 182	
400	D760101	TDV020440	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	1	D01	0,5	4,25	7,5	5	17,25	D760101 | D01 | 377	D340404 | D01 | 380			
401	D760101	HHA001490	ĐÀM BÍCH CHI	1	D01	0,5	4	7,25	5,5	17,25	D760101 | D01 | 377	D340404 | D01 | 380	D340101 | D01 | 182		
402	D760101	SPH016384	QUẢNG HOÀI THU	1	D01	0,5	3,75	7,5	5,5	17,25	D760101 | D01 | 377	D340404 | D01 | 380	D340101 | D01 | 182	D340202 | D01 | 105	
403	D760101	KQH003814	NGUYỄN THỊ HẢI	1	D01	0,5	3,5	7,5	5,75	17,25	D760101 | D01 | 377	D340301 | D01 | 687	D340101 | D01 | 182	D340404 | D01 | 380	
404	D760101	THV000471	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	1	D01	1,5	3,5	6,5	5,75	17,25	D760101 | D01 | 377				
405	D760101	TND011943	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1	D01	3,5	3	5,75	5	17,25	D760101 | D01 | 377	D340202 | D01 | 105	D340404 | D01 | 380		
406	D760101	THV007828	VŨ THỊ DIỆU LINH	1	C00	3,5	7,75	3,25	3,5	17	D760101 | C00 | 405				
407	D760101	KHA004825	NGÔ THỊ MỸ HƯƠNG	1	C00	0,5	7,5	3,5	6,5	17	D760101 | C00 | 405	D340202 | D01 | 154	D340101 | D01 | 348	D340404 | D01 | 596	
408	D760101	HHA006794	LƯU QUỲNH HƯƠNG	1	C00	0,5	7,25	4	6,25	17	D760101 | C00 | 405				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
409	D760101	TND006142	ĐÀM THÁI HÀ	1	C00	3,5	6,75	3	4,75	17	D760101 | C00 | 405				
410	D760101	YTB004302	LÊ HỒNG DƯƠNG	1	C00	1	6	5,5	5,5	17	D760101 | C00 | 405				
411	D760101	YTB005326	NGUYỄN MINH ĐỨC	1	C00	0,5	6	5	6,5	17	D760101 | C00 | 405				
412	D760101	HVN003470	NGUYỄN THU HIỀN	1	C00	1	6	4,25	6,75	17	D760101 | C00 | 405				
413	D760101	BKA015063	NGÔ ANH VŨ	1	C00	3	6	3	6	17	D760101 | C00 | 405				
414	D760101	THV003739	NGUYỄN DUY HẢI	1	C00	1,5	5,75	4,75	6	17	D760101 | C00 | 405				
415	D760101	HHA005812	ĐỖ ĐỨC HÙNG	1	C00	1	5,75	4,5	6,75	17	D760101 | C00 | 405				
416	D760101	HDT016788	DƯƠNG TRÀ MY	1	C00	0,5	5,5	4,5	7,5	17	D760101 | C00 | 405				
417	D760101	TND017641	TRƯƠNG THÚY NGÂN	1	C00	3,5	5,5	4,25	4,75	17	D760101 | C00 | 405				
418	D760101	THV012757	HÀ THỊ THƠM	1	C00	3,5	5,5	3	6	17	D760101 | C00 | 405				
419	D760101	LNH000148	ĐINH HẢI ANH	1	C00	0,5	5,25	6,75	5,5	17	D760101 | C00 | 405				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
420	D760101	HHA006028	MẠC THANH HUY	1	C00	1,5	5,25	5	6,25	17	D760101 | C00 | 405				
421	D760101	THV001422	TỐNG THY CHINH	1	C00	3,5	5	4,75	4,75	17	D760101 | C00 | 405				
422	D760101	TDV025320	ĐINH THỊ THUÝ QUỲNH	1	C00	1	4,75	5,5	6,75	17	D760101 | C00 | 405				
423	D760101	TND027107	ĐINH QUANG TRUNG	1	C00	3,5	4,5	4,5	5,5	17	D760101 | C00 | 405				
424	D760101	TTB007668	ĐINH THỊ HIỀN YẾN	1	C00	3,5	4,5	4,5	5,5	17	D760101 | C00 | 405				
425	D760101	HHA014514	HOÀNG THU TRANG	1	C00	0,5	4	6	7,5	17	D760101 | C00 | 405				
426	D760101	TND027660	TRIỆU MINH TUÂN	1	C00	3,5	4	4,75	5,75	17	D760101 | C00 | 405				
427	D760101	TLA007633	CẤN THỊ THÙY LINH	2	A00	0,5	6	5,75	4,75	17	D340301 | A00 | 754	D760101 | A00 | 405	D340404 | A00 | 447	D340101 | A00 | 225	
428	D760101	SPH009901	NGUYỄN THỊ LINH	1	D01	0	5,5	6,5	5	17	D760101 | D01 | 405	D340101 | D01 | 225			
429	D760101	TND002698	TỪ HUY CHUNG	1	D01	1,5	5	5,75	4,75	17	D760101 | D01 | 405	D340404 | D01 | 447	D340301 | D01 | 754		
430	D760101	TTB007007	ĐINH THỊ TÚ	1	D01	3,5	4	6	3,5	17	D760101 | D01 | 405				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
431	D760101	BKA007470	LÊ THỊ THÙY LINH	2	D01	0,5	3,75	6,25	6,5	17	D340301 | D01 | 754	D760101 | D01 | 405	D340404 | D01 | 447	D340101 | D01 | 225	
432	D760101	TND002244	LƯƠNG KIM CHI	1	D01	3,5	3,5	5,75	4,25	17	D760101 | D01 | 405	D340404 | D01 | 447			
433	D760101	BKA009514	NGUYỄN MINH NGỌC	1	D01	0,5	3	6,5	7	17	D760101 | D01 | 405	D340404 | D01 | 447	D340101 | D01 | 225	D340301 | D01 | 754	
434	D760101	DCN000028	NGUYỄN THỊ AN	1	D01	0,5	2,75	8	5,75	17	D760101 | D01 | 405	D340404 | D01 | 447	D340301 | D01 | 754	D340101 | D01 | 225	
435	D760101	TLA004815	NGHIÊM THANH HIỀN	2	C00	0	7	5,25	5,5	16,75	D340404 | D01 | 723	D760101 | C00 | 434			
436	D760101	KQH007858	NGUYỄN DIỆU LINH	1	C00	0,5	6,75	5	5,5	16,75	D760101 | C00 | 434				
437	D760101	SPH008377	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	1	C00	0,5	6,5	4,25	6,5	16,75	D760101 | C00 | 434				
438	D760101	TLA014783	NGUYỄN THỊ TÚ	1	C00	0	6,5	4	7,25	16,75	D760101 | C00 | 434				
439	D760101	DCN002358	TRẦN ĐÌNH ĐẠT	1	C00	0,5	6	4,75	6,5	16,75	D760101 | C00 | 434				
440	D760101	TLA015852	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	1	C00	1	6	4,5	6,25	16,75	D760101 | C00 | 434				
441	D760101	TTB006765	LÒ THÙY TRANG	1	C00	3,5	6	4,5	3,75	16,75	D760101 | C00 | 434				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
442	D760101	KQH005771	ĐÀM VĂN HÙNG	1	C00	0,5	6	4	7,25	16,75	D760101 | C00 | 434				
443	D760101	HHA003270	NGÔ DUY ĐỨC	1	C00	1,5	6	3,75	6,5	16,75	D760101 | C00 | 434				
444	D760101	TQU002830	LỆNH HẢI KHUYÊN	1	C00	1,5	5,75	4,25	6,25	16,75	D760101 | C00 | 434				
445	D760101	THV001487	ĐỖ VĂN CHÚC	1	C00	1,5	5,5	5,5	5,25	16,75	D760101 | C00 | 434				
446	D760101	THV005736	HÀ THỊ THANH HUYỀN	1	C00	1,5	5,5	5	5,75	16,75	D760101 | C00 | 434				
447	D760101	THV010691	ĐỖ CHÍ QUANG	2	C00	1,5	5,5	3,75	7	16,75	D340301 | A00 | 986	D760101 | C00 | 434			
448	D760101	THV008985	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	1	C00	0,5	5,5	3	8,75	16,75	D760101 | C00 | 434				
449	D760101	TDV035738	HỒ THỊ THÚY VÂN	1	C00	1	5	6,25	5,5	16,75	D760101 | C00 | 434				
450	D760101	THV012686	NGUYỄN TIẾN THỊNH	1	C00	1,5	4,25	4,75	7,25	16,75	D760101 | C00 | 434				
451	D760101	TQU006111	HOÀNG VĂN TUẤN	1	C00	3,5	4	3,75	6,5	16,75	D760101 | C00 | 434				
452	D760101	BKA013420	NGUYỄN HỒNG TRANG	1	D01	0,5	5	7	4,25	16,75	D760101 | D01 | 434	D340404 | D01 | 528	D340301 | D01 | 818	D340101 | D01 | 288	Theo doi UT 2

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
453	D760101	HHA011712	ĐỖ XUÂN QUỲNH	1	D01	0,5	5	6,25	5	16,75	D760101 | D01 | 434	D340404 | D01 | 528	D340101 | D01 | 288	D340202 | D01 | 137	Theo doi UT 2
454	D760101	HVN000042	BÙI ĐỨC ANH	1	D01	0	4,25	6,25	6,25	16,75	D760101 | D01 | 434	D340404 | D01 | 528	D340101 | D01 | 288	D340202 | D01 | 137	Theo doi UT 2
455	D760101	TND016373	HOÀNG THỊ MẾN	1	A00	3,5	4	4,25	5	16,75	D760101 | A00 | 434	D340301 | A00 | 818	D340202 | A00 | 137	D340101 | A00 | 288	Theo doi UT 3
456	D760101	TND018990	NÔNG HỒNG NHUNG	1	D01	3,5	3,75	5,5	4	16,75	D760101 | D01 | 434				
457	D760101	BKA008277	BÙI KHÁNH LY	1	D01	1	3,25	7,5	5	16,75	D760101 | D01 | 434	D340202 | D01 | 137			Theo doi UT 2
458	D760101	TTB004846	BÙI THỊ PHƯƠNG	1	D01	1,5	3,25	7,5	4,5	16,75	D760101 | D01 | 434	D340101 | D01 | 288	D340404 | D01 | 528	D340202 | D01 | 137	Theo doi UT 2
459	D760101	THV003310	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	1	D01	1,5	3,25	6	6	16,75	D760101 | D01 | 434	D340404 | D01 | 528			Theo doi UT 2
460	D760101	TND003016	HÀ NGUYỄN TIẾN CƯƠNG	1	A00	3,5	2	6	5,25	16,75	D760101 | A00 | 434	D340202 | A00 | 137			Theo doi UT 2
461	D760101	HHA011135	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	1	C00	0,5	7,5	4	5,5	16,5	D760101 | C00 | 460				
462	D760101	TTB001614	TRẦN XUÂN ĐỨC	1	C00	1,5	6,5	3,5	6	16,5	D760101 | C00 | 460				
463	D760101	HVN006738	LÊ THỊ MÂY	1	C00	1	6	5	5,5	16,5	D760101 | C00 | 460				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	**450**
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	**450**

Lưu ý:

- Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.

- Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
464	D760101	HDT023212	LÊ THỊ THẢO	1	C00	0,5	6	4	7	16,5	D760101 | C00 | 460				
465	D760101	HDT000142	BÙI NGỌC ANH	1	C00	1	5,75	3,5	7,25	16,5	D760101 | C00 | 460				
466	D760101	DCN005932	PHAN THANH LAN	1	C00	0,5	5,5	5,5	6	16,5	D760101 | C00 | 460				
467	D760101	TDV025549	NGUYỄN THỊ THUÝ QUỲNH	1	C00	1	5,5	4,5	6,5	16,5	D760101 | C00 | 460				
468	D760101	LNH004484	LÊ THỊ DÁNG HƯƠNG	1	C00	1,5	5,5	4	6,5	16,5	D760101 | C00 | 460				
469	D760101	TDV028498	VÕ QUANG THẢO	1	C00	1,5	5,5	3,75	6,75	16,5	D760101 | C00 | 460				
470	D760101	TQU005945	NGUYỄN KIỀU TRINH	1	C00	3,5	5,5	1,5	7	16,5	D760101 | C00 | 460				
471	D760101	TTB003963	NGUYỄN THỊ MÂY	1	C00	3,5	5	4	5	16,5	D760101 | C00 | 460				
472	D760101	HVN007272	NGUYỄN THỊ NGÁT	1	C00	0,5	4,25	5,75	7	16,5	D760101 | C00 | 460				
473	D760101	TQU001726	NGUYỄN THU HIỀN	1	C00	1,5	3,5	7,75	4,75	16,5	D760101 | C00 | 460				
474	D760101	TND021561	HOÀNG HỒNG SƠN	1	C00	3,5	3,5	4,5	6	16,5	D760101 | C00 | 460				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
475	D760101	TTB003254	LÒ VĂN KỶ	1	C00	3,5	3	5,5	5,5	16,5	D760101 | C00 | 460				
476	D760101	SPH013340	NGUYỄN ĐÌNH PHÁT	1	D01	0	6	6	4,5	16,5	D760101 | D01 | 460	D340101 | D01 | 348	D340202 | D01 | 154	D340404 | D01 | 596	Theo doi UT 2
477	D760101	HHA010601	NGUYỄN THỊ NHUNG	1	D01	1,5	5	6,25	3,75	16,5	D760101 | D01 | 460	D340301 | D01 | 869	D340202 | D01 | 154		Theo doi UT 3
478	D760101	TLA015464	NGUYỄN HỒNG VÂN	1	D01	0	5	5	6,5	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596	D340101 | D01 | 348	D340301 | D01 | 869	Theo doi UT 2
479	D760101	SPH019895	TRẦN HẢI YẾN	1	D01	0,5	4,25	8	3,75	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596	D340301 | D01 | 869	D340202 | D01 | 154	Theo doi UT 2
480	D760101	KQH009705	TRẦN THỊ KIM NGÂN	1	D01	0,5	4,25	7,5	4,25	16,5	D760101 | D01 | 460				
481	D760101	TND023097	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	1	D01	0,5	4,25	7,25	4,5	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596	D340101 | D01 | 348	D340202 | D01 | 154	Theo doi UT 2
482	D760101	THP011441	TRẦN HỮU PHÚC	1	D01	1	4	6,5	5	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596			Theo doi UT 2
483	D760101	HDT010203	PHAN THỊ THÚY HỒNG	1	D01	1	3,75	7,25	4,5	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596	D340301 | D01 | 869	D340202 | D01 | 154	Theo doi UT 2
484	D760101	TQU000527	VŨ ĐÀO PHƯƠNG CHINH	1	D01	1,5	3,5	5,75	5,75	16,5	D760101 | D01 | 460	D340301 | D01 | 869			
485	D760101	KQH003301	NGUYỄN THỊ GẤM	1	D01	1	3	7	5,5	16,5	D760101 | D01 | 460	D340202 | D01 | 154			Theo doi UT 2

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
486	D760101	KHA010366	NGÔ THỊ TRANG	1	D01	1	3	6,5	6	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596	D340202 | D01 | 154		Theo doi UT 2
487	D760101	TND007801	HÀ THỊ HIỀN	1	D01	3,5	2,75	6	4,25	16,5	D760101 | D01 | 460	D340404 | D01 | 596	D340202 | D01 | 154	D340101 | D01 | 348	Theo doi UT 2
488	D760101	HDT018748	LÊ THỊ LAN NHUNG	1	C00	1,5	7,5	2,25	6	16,25	D760101 | C00 | 487				
489	D760101	YTB023014	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	1	C00	1	7	4,25	5	16,25	D760101 | C00 | 487				
490	D760101	TND021171	NGUYỄN THỊ QUỲNH	1	C00	0,5	7	3	6,75	16,25	D760101 | C00 | 487				
491	D760101	THV012118	ĐÀO THU THẢO	1	C00	1,5	6,5	3,5	5,75	16,25	D760101 | C00 | 487				
492	D760101	BKA011135	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	1	C00	1	6,25	3,5	6,5	16,25	D760101 | C00 | 487				
493	D760101	DCN004794	NGUYỄN QUANG HUY	1	C00	1	6	5,5	4,75	16,25	D760101 | C00 | 487				
494	D760101	HDT004841	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	1	C00	0,5	6	4,5	6,25	16,25	D760101 | C00 | 487				
495	D760101	TND019059	VŨ HỒNG NHUNG	1	C00	1	5,75	3,5	7	16,25	D760101 | C00 | 487				
496	D760101	SPH014574	PHÙNG THỊ THU QUỲNH	1	C00	0,5	5,5	4	7,25	16,25	D760101 | C00 | 487				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
497	D760101	TQU001493	NGUYỄN MẠNH HẢI	1	C00	1,5	5,25	5,75	4,75	16,25	D760101 | C00 | 487				
498	D760101	TDV015241	LÊ TRUNG KIÊN	1	C00	0,5	5,25	4,75	6,75	16,25	D760101 | C00 | 487				
499	D760101	KQH008688	TRẦN THỊ LÝ	1	C00	0,5	5,25	4,5	7	16,25	D760101 | C00 | 487				
500	D760101	THV002338	NGUYỄN DUY	1	C00	1,5	5	4,5	6,25	16,25	D760101 | C00 | 487				
501	D760101	TDV032986	TRẦN HÀ PHƯƠNG TRANG	1	C00	1	4,5	5,75	6	16,25	D760101 | C00 | 487				
502	D760101	HHA006558	DƯƠNG MINH HƯNG	1	C00	1	4,25	5	7	16,25	D760101 | C00 | 487				
503	D760101	THV011853	HÀ VĂN THANH	1	C00	3,5	4,25	5	4,5	16,25	D760101 | C00 | 487				
504	D760101	LNH002358	NGUYỄN QUỲNH GIANG	1	A00	0,5	6,75	5,5	3,5	16,25	D760101 | A00 | 487	D340202 | A00 | 177			Theo doi UT 2
505	D760101	KQH016608	NGUYỄN THỊ YẾN	1	A01	0,5	6,5	6,25	3	16,25	D760101 | A01 | 487	D340301 | A01 | 911	D340202 | A01 | 177	D340404 | A01 | 653	Theo doi UT 3
506	D760101	LNH010388	BÙI VĂN TÙNG	1	A00	3,5	4,25	5	3,5	16,25	D760101 | A00 | 487	D340301 | A00 | 911	D340202 | A00 | 177	D340101 | A00 | 404	Theo doi UT 3
507	D760101	TDV036818	BÙI THỊ HẢI YẾN	1	D01	1	4	7,25	4	16,25	D760101 | D01 | 487	D340202 | D01 | 177	D340101 | D01 | 404	D340301 | D01 | 911	Theo doi UT 2

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
508	D760101	BKA000079	BÙI MỸ ANH	1	D01	0,5	4	7	4,75	16,25	D760101 | D01 | 487	D340404 | D01 | 653	D340202 | D01 | 177	D340101 | D01 | 404	Theo doi UT 3
509	D760101	TLA011031	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	1	D01	0	3,5	6,75	6	16,25	D760101 | D01 | 487	D340404 | D01 | 653	D340101 | D01 | 404		
510	D760101	THV009252	LÊ THỊ NGÂN	1	D01	1,5	3,5	6,25	5	16,25	D760101 | D01 | 487	D340404 | D01 | 653			
511	D760101	TDV002375	LÊ THỊ BÍCH	1	D01	1	3	5,25	7	16,25	D760101 | D01 | 487				
512	D760101	KQH007681	BÙI KHÁNH LINH	1	C00	0,5	7	5,25	4,25	16	D760101 | C00 | 511				
513	D760101	HHA000695	NGUYỄN TRÂM ANH	1	C00	0	6,75	2,75	7,5	16	D760101 | C00 | 511				
514	D760101	YTB023199	VŨ THỊ TRANG	1	C00	1	6,75	2,25	7	16	D760101 | C00 | 511				
515	D760101	LNH000505	PHAN THỊ MINH ANH	1	C00	1,5	6,25	1,75	7,5	16	D760101 | C00 | 511				
516	D760101	DCN000631	PHÙNG THỊ KIM ANH	1	C00	0,5	6	5	5,5	16	D760101 | C00 | 511				
517	D760101	TLA011499	TRẦN THỊ QUYÊN	1	C00	1	6	4	6	16	D760101 | C00 | 511				
518	D760101	THV012542	VŨ MẠNH THẮNG	1	C00	1,5	6	3,5	6	16	D760101 | C00 | 511				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
519	D760101	TND013584	HÀ VĂN LÂN	1	C00	3,5	6	1,75	5,75	16	D760101 | C00 | 511				
520	D760101	TLA015341	NGUYỄN THỊ TƯƠI	1	C00	0	5,5	6	5,5	16	D760101 | C00 | 511				
521	D760101	HDT009383	NGUYỄN DANH HOÀ	1	C00	1,5	5,5	3	7	16	D760101 | C00 | 511				
522	D760101	TND023715	NGÔ VĂN THẾ	1	C00	1,5	5,25	3,75	6,5	16	D760101 | C00 | 511				
523	D760101	TND028586	TRIỆU THỊ TUYẾN	1	C00	3,5	5,25	2,75	5,5	16	D760101 | C00 | 511				
524	D760101	TDV013159	TRẦN LÊ HUY	1	C00	0,5	5	5,25	6,25	16	D760101 | C00 | 511				
525	D760101	TTB002862	TRẦN THỊ THU HUYỀN	1	C00	1,5	5	4	6,5	16	D760101 | C00 | 511				
526	D760101	BKA009025	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	1	C00	1,5	5	3	7,5	16	D760101 | C00 | 511				
527	D760101	LNH007377	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	1	C00	1,5	5	3	7,5	16	D760101 | C00 | 511	D340301 | D01 | 986			
528	D760101	DCN008875	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	1	C00	0,5	4,75	5,75	6	16	D760101 | C00 | 511				
529	D760101	DCN011410	LÊ ĐÌNH TIẾN	1	C00	0,5	4,75	5	6,75	16	D760101 | C00 | 511				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
530	D760101	KQH011423	NGUYỄN THỊ QUYÊN	1	C00	0,5	4,75	4,25	7,5	16	D760101 | C00 | 511				
531	D760101	TLA012764	DƯƠNG MINH THẮNG	1	C00	0	4,5	5,75	6,75	16	D760101 | C00 | 511				
532	D760101	TTN014268	HOÀNG HẢI PHONG	1	C00	1,5	4,5	5,5	5,5	16	D760101 | C00 | 511				
533	D760101	HDT023958	NGUYỄN THANH THIÊN	1	C00	0,5	4,5	4	8	16	D760101 | C00 | 511				
534	D760101	TTB007370	TRẦN THỊ THU UYÊN	1	C00	3,5	4,5	3,5	5,5	16	D760101 | C00 | 511				
535	D760101	DCN008373	DƯƠNG HỒNG NHUNG	1	C00	0,5	4	6,75	5,75	16	D760101 | C00 | 511				
536	D760101	TND015649	HOÀNG THỊ KIỀU LY	1	C00	3,5	4	2,5	7	16	D760101 | C00 | 511				
537	D760101	DCN000164	ĐẶNG TUẤN ANH	1	C00	1,5	3,5	6,5	5,5	16	D760101 | C00 | 511				
538	D760101	TND023820	LÝ THANH THIÊN	1	C00	3,5	3,5	3,25	6,75	16	D760101 | C00 | 511				
539	D760101	BKA012669	NGUYỄN THỊ THU THỦY	1	D01	0	6	6,5	3,5	16	D760101 | D01 | 511	D340404 | D01 | 723			
540	D760101	TLA001168	THÁI ĐỨC ANH	1	D01	0	6	5	5	16	D760101 | D01 | 511	D340301 | D01 | 956	D340101 | D01 | 440	D340404 | D01 | 723	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
541	D760101	TLA009922	NGUYỄN THỊ NGÂN	1	D01	0	5	6	5	16	D760101 | D01 | 511	D340202 | D01 | 224	D340404 | D01 | 723	D340101 | D01 | 440	Theo doi UT 2
542	D760101	LNH001713	NGUYỄN MAI DUYÊN	1	D01	0,5	2,5	7,5	5,5	16	D760101 | D01 | 511	D340202 | D01 | 224			Theo doi UT 2
543	D760101	HDT020939	BÙI THỊ QUỲNH	1	D01	1	2	6,5	6,5	16	D760101 | D01 | 511	D340301 | D01 | 956	D340404 | D01 | 723	D340202 | D01 | 224	Theo doi UT 4
544	D760101	HVN002785	PHẠM THỊ HÀ	1	C00	0	7	4,25	5,5	15,75	D760101 | C00 | 543				
545	D760101	HDT017586	ĐINH THỊ HỒNG NGÁT	1	C00	1,5	6,75	2,5	6	15,75	D760101 | C00 | 543				
546	D760101	TLA001860	LÊ NGỌC CHI	1	C00	0	6	5	5,75	15,75	D760101 | C00 | 543	D340202 | D01 | 358	D340101 | D01 | 496	D340404 | D01 | 809	
547	D760101	HDT024277	NGUYỄN THỊ THƠM	1	C00	1	6	3,75	6	15,75	D760101 | C00 | 543				
548	D760101	DHU022317	HỒ THỊ THƠM	1	C00	1,5	5,25	3,75	6,25	15,75	D760101 | C00 | 543				
549	D760101	THV013038	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	1	C00	1,5	5,25	3,5	6,5	15,75	D760101 | C00 | 543				
550	D760101	THV010174	HỜ A PHÀ	1	C00	3,5	5,25	2,75	5,25	15,75	D760101 | C00 | 543				
551	D760101	LNH007409	TRIỆU THỊ PHƯƠNG	1	C00	3,5	5	2,5	5,75	15,75	D760101 | C00 | 543				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
552	D760101	TQU001282	HOÀNG QUỐC GIA	1	C00	3,5	4,75	2,5	6	15,75	D760101 | C00 | 543				
553	D760101	DCN004349	NGUYỄN VŨ HOÀNG	1	C00	0,5	4,5	5,25	6,5	15,75	D760101 | C00 | 543				
554	D760101	HHA003532	NGUYỄN THANH GIANG	1	C00	0,5	4,5	5,25	6,5	15,75	D760101 | C00 | 543				
555	D760101	THV008277	HOÀNG YẾN LY	1	C00	3,5	4,5	3	5,75	15,75	D760101 | C00 | 543				
556	D760101	THV013635	CỒ THU TRANG	1	C00	3,5	4	3,25	6	15,75	D760101 | C00 | 543				
557	D760101	TQU001404	LÊ BẢO HÀ	1	A00	1,5	5,75	5,75	2,75	15,75	D760101 | A00 | 543	D340101 | A00 | 466	D340301 | A00 | 986	D340202 | A00 | 276	Theo doi UT 4
558	D760101	DCN006416	NGUYỄN THỊ LINH	1	D01	0,5	5,25	5	5	15,75	D760101 | D01 | 543	D340101 | D01 | 466			
559	D760101	BKA005150	VŨ THỊ HOÀI	1	C00	1	6,5	4,5	4,5	15,5	D760101 | C00 | 558				
560	D760101	SPH007191	NGUYỄN MẠNH HÙNG	1	C00	0	6	4,25	6,25	15,5	D760101 | C00 | 558				
561	D760101	TND001257	DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	1	C00	1,5	5,5	3,5	6	15,5	D760101 | C00 | 558				
562	D760101	KQH014549	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	1	C00	0,5	5,5	2,75	7,75	15,5	D760101 | C00 | 558				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
563	D760101	TND011451	HOÀNG CÔNG HUYNH	1	C00	3,5	5,5	2,5	5	15,5	D760101 | C00 | 558				
564	D760101	TND021881	VƯƠNG THÁI SƠN	1	C00	3,5	5,25	2	5,75	15,5	D760101 | C00 | 558				
565	D760101	SPH012963	NGÔ THỊ LAN NHI	1	C00	0	5	3,5	8	15,5	D760101 | C00 | 558				
566	D760101	DCN004513	ĐÀM THU HUẾ	1	C00	3,5	4,75	2,5	5,75	15,5	D760101 | C00 | 558				
567	D760101	TND020610	HOÀNG THỊ QUÊ	1	C00	3,5	4,5	3	5,5	15,5	D760101 | C00 | 558				
568	D760101	TLA015969	HOÀNG TRUNG HIẾU	1	C00	0	4	5,25	7,25	15,5	D760101 | C00 | 558				
569	D760101	KHA006704	BÙI THỊ DIỄM MY	1	C00	0,5	3,5	4,5	8	15,5	D760101 | C00 | 558				
570	D760101	BKA015151	LƯƠNG GIA VỸ	1	A00	0	5,25	4,25	6	15,5	D760101 | A00 | 558	D340202 | A00 | 313	D340404 | A00 | 779	D340301 | A00 | 1002	Theo doi UT 2
571	D760101	YTB010904	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	1	D01	1,5	4,5	7	2,5	15,5	D760101 | D01 | 558				
572	D760101	HHA015840	HOÀNG THANH TUYỀN	1	D01	1	4	7	3,5	15,5	D760101 | D01 | 558	D340404 | D01 | 779	D340202 | D01 | 313		Theo doi UT 3

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đến nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
573	D760101	TND006266	LƯƠNG VĂN HÀ	1	A00	3,5	2,5	5,5	4	15,5	D760101 | A00 | 558	D340202 | A00 | 313	D340404 | A00 | 779		Theo doi UT 2
574	D760101	HHA005281	NGUYỄN THU HOÀI	1	C00	1,5	6,5	2	6,25	15,25	D760101 | C00 | 573				
575	D760101	TQU000006	KHƯƠNG THỊ THÚY AN	1	C00	1,5	6,25	4,75	3,75	15,25	D760101 | C00 | 573				
576	D760101	TDV025007	PHAN THỊ QUÝ	1	C00	0,5	6	4	5,75	15,25	D760101 | C00 | 573				
577	D760101	TQU004314	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	1	C00	3,5	5,75	2,75	4,25	15,25	D760101 | C00 | 573				
578	D760101	DCN002650	ĐỖ ĐÌNH GIANG	1	C00	0,5	4	5,5	6,25	15,25	D760101 | C00 | 573				
579	D760101	YTB014717	ĐỖ THỊ MY	1	D01	1	5	5,75	3,5	15,25	D760101 | D01 | 573	D340301 | D01 | 1014	D340101 | D01 | 487	D340202 | D01 | 345	Theo doi UT 4
580	D760101	HDT016427	TRỊNH HÀ MI	1	D01	1	4	7,25	3	15,25	D760101 | D01 | 573	D340404 | D01 | 803	D340202 | D01 | 345	D340301 | D01 | 1014	
581	D760101	TLA013246	ĐỖ THỊ THUẬN	1	D01	0	3,25	6	6	15,25	D760101 | D01 | 573	D340301 | D01 | 1014	D340202 | D01 | 345	D340101 | D01 | 487	
582	D760101	HHA016261	VŨ ĐÌNH VIỆT	1	C00	1,5	5,5	4,25	4,75	15	D760101 | C00 | 581				
583	D760101	THP008216	ĐẶNG DUY LINH	1	C00	1	5	4	6	15	D760101 | C00 | 581				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
584	D760101	TQU002265	ĐẶNG NHẬT HÙNG	1	C00	1,5	5	3,5	6	15	D760101 | C00 | 581				
585	D760101	HHA012136	PHẠM THANH SƠN	1	C00	0,5	4,25	3,25	8	15	D760101 | C00 | 581				
586	D760101	LNH010249	BÙI MINH TUẤN	1	C00	3,5	4,25	2,25	6	15	D760101 | C00 | 581				
587	D760101	DCN002713	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	1	D01	0,5	4	6,5	4	15	D760101 | D01 | 581	D340404 | D01 | 809	D340202 | D01 | 358		
588	D760101	HDT025786	NGÔ VĂN TIẾN	1	C00	2	6	2,25	5,5	14,75	D760101 | C00 | 587				
589	D760101	YTB024373	TẠ XUÂN TÙNG	1	C00	1	5,5	2,25	7	14,75	D760101 | C00 | 587				
590	D760101	TLA003322	PHẠM QUỐC ĐẠT	1	C00	0,5	5,25	4	6	14,75	D760101 | C00 | 587				
591	D760101	TND019233	ĐÀM THỊ THÚY NƯƠNG	1	C00	3,5	4,75	4	3,5	14,75	D760101 | C00 | 587				
592	D760101	HDT006916	PHẠM THỊ HÀ	1	C00	0,5	6	3	6	14,5	D760101 | C00 | 591				
593	D760101	TND009008	NGUYỄN XUÂN HÒA	1	C00	3,5	4,25	2,75	5	14,5	D760101 | C00 | 591				
594	D760101	LNH001600	PHẠM TIẾN DŨNG	1	C00	1,5	3,5	5,5	5	14,5	D760101 | C00 | 591				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- **Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.**
- **Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.**

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	
595	D760101	HDT010829	NGUYỄN NGỌC HÙNG	1	C00	1	4,5	4,5	5,25	14,25	D760101 | C00 | 594				
596	D760101	THV010020	CAO TUẤN NINH	1	C00	1,5	4,5	2,5	6,75	14,25	D760101 | C00 | 594				
597	D760101	TND005863	LƯU HỒNG GIANG	1	C00	3,5	4,5	2	5,25	14,25	D760101 | C00 | 594				
598	D760101	TND018147	TRẦN BẢO NGỌC	1	C00	3,5	3	3	5,75	14,25	D760101 | C00 | 594				
599	D760101	LNH010262	CHU VĂN TUẤN	1	C00	0,5	5,5	3	5,75	13,75	D760101 | C00 | 598				
600	D760101	LNH009573	HOÀNG KHÁNH TOÀN	1	C00	1,5	4	3	6,25	13,75	D760101 | C00 | 598				
601	D760101	HHA016526	HỒ THU YẾN	1	D01	1,5	4	5,5	2,25	13,25	D760101 | D01 | 600				
602	D760101	LNH000314	NGUYỄN HẢI ANH	1	D01	3,5	3	5,25	1,25	13	D760101 | D01 | 601				
603	D760101	TLA009642	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	1	C00	0,5	4,5	4,5	4	12,5	D760101 | C00 | 602				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	A00	A01	D1	C00
	16,75	16,75	16,75	17,75

(Những thí sinh có tổng điểm bằng nhau đã được xét đến chỉ số phụ theo quy định thông báo của Nhà trường. Tổng điểm của thí sinh đăng ký tổ hợp khối C00 trong danh sách phần mềm đã tự động trừ đi 01 điểm để xếp hạng)

Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành CTXH	450
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành CTXH	450

Lưu ý:

- Nội dung cột số (5): Số 1 được hiểu là thí sinh đang được xét nguyện vọng UT1, Số 2 được hiểu là thứ hạng của thí sinh tại nguyện vọng UT1 vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đó và được xét đên nguyện vọng UT2, tương tự như vậy với số 3 và số 4.
- Nội dung cột số (12): Thứ hạng của các thí sinh đang nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tại các nguyện vọng ưu tiên chỉ mang tính chất tham khảo.

Thứ tự (Xếp hạng) (1)	Mã ngành (Ngành CTXH) (2)	Số Báo danh (3)	Họ và tên thí sinh (4)	UT được xét (5)	Tổ hợp môn (6)	Điểm ưu tiên (7)	Môn 1 (8)	Môn 2 (9)	Môn 3 (10)	Tổng điểm (11)	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên (12)				Ghi chú
											UT1 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT2 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT3 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	UT4 (Mã ngành/Tổ hợp /xếp hạng)	

***LƯU Ý: Theo quy định, thí sinh chỉ được đăng ký và nộp hồ sơ ĐKXT vào một địa điểm đào tạo tại Hà Nội - DLX hoặc Cơ sở Sơn Tây - DLT. Vì vậy, những thí sinh đã nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển cả hai địa điểm đào tạo trên cùng một phiếu đăng ký, nếu có nhu cầu chuyển nguyện vọng đăng ký xét tuyển từ Cơ sở Hà Nội - DLX sang Cơ sở Sơn Tây - DLT đến phòng tuyển sinh của Trường: Tầng 2 Nhà G - Trường ĐH Lao động - Xã Hội - Số 43 Trần Duy Hưng - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội để làm thủ tục thay đổi phiếu đăng ký xét tuyển (không cần rút hồ sơ ĐKXT).**

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
Lục Mạnh Hiển	TS. Hà Xuân Hùng